



**BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUỐC GIA**

**TỔNG
LUẬN**

**KHOA HỌC
CÔNG NGHỆ
KINH TẾ**

ISSN 0866 - 7712

Số 1 - 2024

DỰ BÁO KINH TẾ THẾ GIỚI VÀ XU HƯỚNG CÔNG NGHỆ NĂM 2024



Hà Nội, 1/2024

CỤC THÔNG TIN VÀ KHOA HỌC CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

Địa chỉ: 24, Lý Thường Kiệt, Hoàn Kiếm, Hà Nội.

Tel: (024) 38262718, Fax: (024) 39349127

BAN BIÊN TẬP

TS. Trần Đức Hiến (Trưởng ban)

ThS. Nguyễn Lê Hằng; ThS. Phùng Anh Tiến; ThS. Nguyễn Phương Anh

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	1
I. NHÌN LẠI TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2023 VÀ DỰ BÁO NĂM 2024 ...	2
1.1. Nhìn lại tình hình kinh tế thế giới năm 2023.....	2
1.1.1. Tình hình chung của kinh tế thế giới năm 2023.....	2
1.1.2. Phân tích một số yếu tố đáng chú ý của kinh tế toàn cầu trong năm 2023	5
1.2. Dự báo kinh tế thế giới năm 2024 của một số tổ chức quốc tế	8
1.2.1. Dự báo chung về tình hình kinh tế thế giới năm 2024.....	8
1.2.2. Dự báo về một số vấn đề nổi bật của kinh tế thế giới năm 2024	21
1.2.3. Những rủi ro đối với triển vọng kinh tế toàn cầu.....	24
1.2.4. Triển vọng kinh tế ở một số nền kinh tế và khu vực.....	29
1.2.5. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam.....	35
1.2.6. Khuyến nghị chính sách.....	37
II. DỰ BÁO XU HƯỚNG CÔNG NGHỆ NĂM 2024	40
2.1. AI tạo sinh	40
2.2. Các công nghệ cho doanh nghiệp.....	44
2.3. Ứng dụng thông minh.....	47
2.4. Xe kết nối như trung tâm truyền thông di động	48
2.5. An ninh mạng và điện toán lượng tử.....	49
2.6. Tự động hóa và siêu kết nối	50
2.7. Công nghệ sinh học, công nghệ y tế.....	51
2.8. Internet vạn vật và công nghệ chuỗi khối sẽ được ứng dụng rộng rãi hơn	51
2.9. Công nghệ 5G tiếp tục phát triển mạnh mẽ.....	53
2.10. Công nghệ bền vững.....	53
KẾT LUẬN.....	54
TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH.....	56

TỪ VIẾT TẮT

ADB	Ngân hàng Phát triển châu Á
AI	Trí tuệ nhân tạo
EAP	Đông Á và Thái Bình Dương
ECA	Châu Âu và Trung Á
EMDE	Các thị trường mới nổi và nền kinh tế đang phát triển
GDP	Tổng sản phẩm trong nước
IMF	Quỹ Tiền tệ Quốc tế
IoT	Internet vạn vật
LAC	Châu Mỹ Latinh và Caribe
MNA	Trung Đông và Bắc Phi
OECD	Tổ chức hợp tác và phát triển kinh tế
PMI	Chỉ số quản lý sức mua
SSA	Châu Phi cận Sahara
WB	Ngân hàng Thế giới
WEF	Diễn đàn kinh tế thế giới

LỜI GIỚI THIỆU

Các tổ chức quốc tế, như Ngân hàng Thế giới (WB), Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) và Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) đã đưa ra các báo cáo nhận định, đánh giá về tình hình kinh tế thế giới năm 2023 và dự báo cho năm 2024. Theo các tổ chức này, ước tính tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 giảm so với năm 2022. Năm 2023, mặc dù thế giới đã tránh được một cuộc suy thoái, nhưng vẫn phải chịu nhiều cú sốc như lạm phát tăng cao, khủng hoảng ngân hàng, suy giảm sản xuất công nghiệp và thương mại toàn cầu, xung đột và cạnh tranh địa chính trị gay gắt.

Bước sang năm 2024, tình hình thế giới sẽ không chỉ tiếp tục chịu các tác động nói trên mà còn trở nên phức tạp khó lường hơn. Thế giới có thể sẽ chứng kiến những rủi ro xung đột và địa chính trị gia tăng, tăng trưởng yếu hơn ở các nền kinh tế hàng đầu thế giới, căng thẳng tài chính khi các ngân hàng trung ương hành động để tiếp tục kiềm chế lạm phát, sự phân mảnh thương mại, thiên tai xảy ra thường xuyên hơn với tác động ngày càng nghiêm trọng hơn. Do vậy, các tổ chức quốc tế đều dự báo tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2024 và 2025 sẽ còn thấp hơn năm 2023, cho thấy đồ thị tăng trưởng kinh tế thế giới tiếp tục theo chiều đi xuống.

Dù tăng trưởng kinh tế toàn cầu giảm tốc, nhưng tiến bộ công nghệ trong bối cảnh Cách mạng công nghệ 4.0 vẫn diễn ra rất mạnh mẽ, mà nổi bật trong năm 2023 là sự bùng nổ của trí tuệ nhân tạo (AI) sau sự ra đời và phát triển thần kỳ của ứng dụng ChatGPT. Liên kết giữa tiến bộ công nghệ và phát triển kinh tế là một quá trình tương quan mạnh mẽ, tạo ra những ảnh hưởng sâu rộng đối với nền kinh tế toàn cầu. Các công ty tư vấn, tạp chí công nghệ, tổ chức quốc tế, như Forbes, Gartner, Deloitte, GlobalData, ... đã dự báo các xu hướng công nghệ hàng đầu năm 2024 là AI, các ứng dụng thông minh, công nghệ bền vững, công nghệ 5G, điện toán lượng tử, Internet vạn vật (IoT), ... sẽ tiếp tục là những điểm nhấn nổi bật, định hình bức tranh công nghệ thế giới 2024.

Tổng luận “Dự báo kinh tế thế giới và xu hướng công nghệ năm 2024” nhằm cung cấp cho bạn đọc những thông tin cơ bản về bức tranh kinh tế thế giới năm 2023, triển vọng cho năm 2024 và một số xu hướng công nghệ nổi bật trong năm nay.

Trân trọng giới thiệu.

CỤC THÔNG TIN KHOA HỌC VÀ
CÔNG NGHỆ QUỐC GIA

I. NHÌN LẠI TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI NĂM 2023 VÀ DỰ BÁO NĂM 2024

1.1. Nhìn lại tình hình kinh tế thế giới năm 2023

1.1.1. Tình hình chung của kinh tế thế giới năm 2023

Về tổng thể, kinh tế thế giới đã trải qua một năm 2023 đầy biến động và thách thức. Dư âm COVID-19 vẫn còn nặng nề, lạm phát cao, nhiều nền kinh tế lớn đua nhau siết chặt dòng tiền kèm theo hàng loạt bất ổn về địa chính trị ở nhiều điểm nóng.

Năm 2023 tiếp tục là một năm nhiều sóng gió và khó khăn của kinh tế thế giới khi phải đối mặt với một loạt thách thức, từ sụt giảm tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP), nợ xấu gia tăng, kim ngạch thương mại - đầu tư âm ảm, cho tới những hệ lụy không mong muốn của bất ổn địa chính trị và các thách thức an ninh phi truyền thống... Quá nhiều "con gió ngược" đã đẩy kinh tế toàn cầu năm 2023 vào một trong những giai đoạn ảm đạm nhất kể từ cuộc khủng hoảng tài chính thế giới năm 2007 - 2008. Nhưng không vì thế mà bức tranh kinh tế thế giới thiếu những điểm sáng.

Những hậu quả của COVID - 19 vẫn còn, chưa thể được giải quyết hết và vẫn để lại những hậu quả bất lợi cho nhiều nền kinh tế. Tiếp theo là xung đột Nga-Ukraine leo thang, sự bất ổn của thị trường năng lượng và lương thực do chiến sự gây ra và mới đây nhất là cuộc khủng hoảng toàn diện tại Dải Gaza liên quan tới xung đột giữa Israel và phong trào Hồi giáo Hamas của Palestine. Nhìn chung, các điều kiện kinh tế toàn cầu trong năm 2023 luôn ở tình trạng khá mong manh, dễ bị tổn thương trước những rủi ro kinh tế hay địa chính trị.

Gánh nặng nợ công và việc nhiều nước thắt chặt chính sách tiền tệ chưa từng thấy đã tạo thêm lực cản và làm chậm tiến trình phục hồi kinh tế. Cho dù những diễn biến khởi sắc hồi đầu năm 2023, nhưng khả năng phục hồi của nền kinh tế thế giới vẫn khó khăn và chưa thể thoát ra khỏi những hậu quả mà COVID-19 đã để lại. Hoạt động kinh tế vẫn chưa trở về mức trước đại dịch, đặc biệt là ở các nền kinh tế đang phát triển và các thị trường mới nổi và (EMDE). Hoạt động kinh tế có sự khác biệt ngày càng lớn giữa các khu vực. Những yếu tố khác có tính chu kỳ hơn, như việc nhiều nước giảm hỗ trợ tài chính trong bối cảnh nợ công tăng cao và bất ổn địa chính trị trên thế giới.

Các tổ chức quốc tế như WB, IMF, OECD, ADB... đều đã đưa những nhận định, đánh giá về tình hình kinh tế thế giới năm 2023. Theo WB, tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2023 chỉ đạt 2,6%, thấp hơn so với năm 2022 (3,0%). Đặc biệt, Khu vực đồng Euro ước tính có mức tăng trưởng kinh tế chỉ khoảng 0,4% năm 2023, so với mức 3,4% năm 2022. Năm 2023, cả WB và IMF đều ước tính các nền kinh tế phát triển tăng trưởng rất chậm, chỉ đạt mức 1,5%, so với mức 2,6% năm 2022. Tăng

trường ngoại thương thế giới (bao gồm hàng hóa và dịch vụ) cũng giảm mạnh, chỉ đạt dưới 1%, so với mức trên 5% năm 2022, chủ yếu bắt nguồn từ nhu cầu tiêu thụ và sản xuất giảm.

Năm 2023, tăng trưởng kinh tế ở các nền kinh tế hàng đầu ASEAN cũng đều giảm, trong đó nhiều quốc gia có mức giảm mạnh, như Malaixia chỉ đạt 4%, so với 8,7% năm 2022, Việt Nam chỉ đạt 4,7% so với 8% năm 2022. Các nền kinh tế EMDE dự kiến tăng trưởng cũng chỉ đạt 4% trong năm 2023.

Trong năm 2023, kinh tế thế giới cũng tiếp tục chật vật với cuộc chiến chống lạm phát. Các nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu năng lượng đã trải qua đợt tăng giá mạnh, nhất là từ khi nguồn nhập khẩu dầu khí từ Nga đứt gãy. Theo IMF, việc giá năng lượng cao và nguồn cung giảm đóng vai trò lớn vào việc đẩy lạm phát lõi tăng lên ở nhiều nước. Giá dầu đã tăng khoảng 25% do việc cắt giảm nguồn cung kéo dài từ các thành viên Tổ chức các nước xuất khẩu dầu mỏ và đối tác (OPEC+).

Giá lương thực cũng ở mức cao và thường xuyên đối mặt với nguy cơ gián đoạn nguồn cung gây khó khăn cho nhiều quốc gia thu nhập thấp và các nền kinh tế đang phát triển. Thực tế này khiến nhiều nước phải oằn mình trước áp lực chống lạm phát và tiến trình phục hồi kinh tế luôn gặp trở ngại.

Tuy nhiên, vẫn có không ít điểm sáng trong bức tranh chủ đạo của kinh tế thế giới 2023. Theo báo cáo Triển vọng Kinh tế thế giới 2024 của IMF, lạm phát cơ bản đang trên đà giảm từ mức 9,2% năm 2022 xuống còn 5,9% năm 2023 và xu thế này sẽ tiếp tục xuống còn khoảng 4,8% năm 2024. Lạm phát lõi, không bao gồm giá thực phẩm và năng lượng vốn đầy biến động, cũng dự kiến giảm xuống 4,5%.

Năm 2023, tăng trưởng GDP thế giới nhìn chung là chậm nhưng ở một số nền kinh tế lớn đã có khởi sắc, theo WB, kinh tế Hoa Kỳ ước đạt 2,5% so với 1,9% năm 2022, kinh tế Nhật Bản đạt 1,8% so với 1% năm 2022, Trung Quốc ước đạt 5,2% so với 3% năm 2022, kinh tế Braxin đạt 3,1% so với 2,9% năm 2022, kinh tế Nga cũng sẽ thoát khỏi mức tăng trưởng âm năm 2022 để ước đạt 2,6% năm 2023.

Thị trường lao động có dấu hiệu khởi sắc, chi tiêu toàn cầu bắt đầu tăng sau giai đoạn trì trệ hậu đại dịch COVID - 19. Tỷ lệ thất nghiệp tại phần lớn các nền kinh tế hàng đầu đều ở mức thấp hơn khoảng 0,5 điểm phần trăm so với mức trước đại dịch. Đây là những chỉ dấu thuyết phục để giới chuyên gia tin tưởng kinh tế toàn cầu sẽ "hạ cánh mềm" trong năm nay và năm sau.

Theo Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB), kinh tế khu vực châu Á đã cho thấy nhiều tín hiệu tích cực hơn và tăng trưởng của khu vực năm nay dự kiến đạt mức 4,9% (tăng nhẹ so mức dự báo 4,7% hồi tháng 9/2023). Trong báo cáo Triển vọng

Phát triển châu Á, ADB ghi nhận tăng trưởng kinh tế của khu vực gồm 46 nền kinh tế - không bao gồm Nhật Bản, Australia và New Zealand - là nhờ "đòn bẩy" của các chính sách kích cầu tiêu dùng nội địa, sự phục hồi của ngành du lịch và nguồn kiều hối chuyển về tăng mạnh. ADB cũng nâng dự báo tăng trưởng của nền kinh tế Trung Quốc lớn thứ hai thế giới từ mức 4,9% lên 5,2% trong năm nay.

Hoa Kỳ cũng là một trong những điểm sáng của kinh tế thế giới năm 2023. Từng có thời điểm nền kinh tế đầu tàu đứng bên bờ vực suy thoái khi sự sụp đổ của các ngân hàng như Signature Bank (SB) hay Silicon Valley Bank (SVB) kéo theo một cuộc khủng hoảng ngành ngân hàng làm "choáng váng" nền kinh tế. Chưa hết, chính sách tăng lãi suất để chống lạm phát của Cục Dự trữ liên bang (Fed) đã bóp nghẹt dòng tiền, tạo thêm thách thức cho nền kinh tế, khiến nhiều chuyên gia dự đoán về một cuộc suy thoái có thể xảy ra. Tuy nhiên, kinh tế Hoa Kỳ đã thể hiện sức mạnh cao hơn kỳ vọng. Không chỉ thoát khỏi vòng xoáy suy thoái, kinh tế Hoa Kỳ còn tăng trưởng ổn định trong năm 2023. Chỉ tiêu tiêu dùng mạnh, đầu tư tăng trưởng ổn định, với sự hỗ trợ hiệu quả của thị trường việc làm vững chắc và tỷ lệ thất nghiệp ở mức thấp kỷ lục (khoảng 3,9%) trong nhiều năm.

Liên tiếp trong ba thập kỷ, nền kinh tế Nhật Bản luôn ở trong trạng thái trì trệ do tăng trưởng thấp, lạm phát thấp và lãi suất âm. Tuy nhiên, cường quốc châu Á này đã có bước chuyển mình trong năm 2023, nhờ chi tiêu hộ gia đình và doanh nghiệp tăng lên, cũng như các chính sách tiền tệ và về thị trường chứng khoán.

Hàng loạt nền kinh tế thị trường mới nổi cũng cho thấy sức bền và khả năng phục hồi mạnh mẽ trước tình hình ảm đạm của kinh tế toàn cầu năm 2023. Theo IMF, các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển, nhất là ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương, có thể đạt mức tăng trưởng GDP khoảng 4%. Trong bối cảnh tình hình thế giới có nhiều khó khăn, thách thức và đầy biến động, Việt Nam cũng là điểm sáng trong bức tranh kinh tế chung. Tăng trưởng GDP của Việt Nam ước đạt từ 4,7% (theo WB và IMF) đến 5,2% (theo ADB), cao hơn nhiều so với mức tăng trưởng 3,0% bình quân toàn cầu (theo IMF). Việt Nam là điểm sáng của tăng trưởng kinh tế thế giới sau đại dịch COVID-19 nhờ cách tiếp cận toàn diện về quản trị kinh tế vĩ mô, giúp đưa nền kinh tế vượt qua các thách thức của bối cảnh quốc tế và khu vực hiện nay.

Về tổng thể, kinh tế thế giới đã trải qua một năm 2023 đầy biến động và thách thức. Dư âm COVID-19 vẫn còn nặng nề, lạm phát cao, nhiều nền kinh tế lớn đua nhau siết chặt dòng tiền kèm theo hàng loạt bất ổn về địa chính trị ở nhiều điểm nóng... Dù vậy, kinh tế toàn cầu đã tránh được một vòng xoáy suy thoái mới. Cùng với đó là những tín hiệu khởi sắc như chi tiêu tiêu dùng tăng, sản xuất phục hồi, tỷ lệ

thất nghiệp tiếp tục đi xuống và lạm phát đang trên đà hạ nhiệt.

Bảng 1.1. Tăng trưởng GDP của một số nước/khu vực và thế giới năm 2022 và ước tính năm 2023 (tỷ lệ %)

	Năm 2022	Năm 2023			
		WB	IMF	OECD	ADB
Thế giới	3,0	2,6	3,0	2,9	
Hoa Kỳ	1,9	2,5	1,5	2,4	2,4
Nhật Bản	1,0	1,8	2,0	1,7	1,6
Hàn Quốc			1,4		1,3
Khu vực đồng Euro	3,4	0,4	0,7	0,6	0,5
OECD				1,7	
BRIC					
<i>Trung Quốc</i>	3,0	5,2	5,0	5,2	4,9
<i>Ấn Độ</i>	7,2	6,3	6,3	6,3	6,7
<i>Nga</i>	-2,1	2,6	2,2		
<i>Braxin</i>	2,9	3,1	3,1	3,0	
ASEAN					4,8
<i>Singapo</i>			1,0		1,0
<i>Indônêxia</i>	5,3	5,0	5,0	4,9	5,0
<i>Malaixia</i>	8,7	3,9	4,0		4,2
<i>Thái Lan</i>	2,6	2,5	2,7		2,5
<i>Việt Nam</i>	8,0	4,7	4,7		5,2
<i>Campuchia</i>	5,2	5,4	5,6		
<i>Lào</i>	2,7	3,7	4,0		
<i>Philippin</i>	7,6	5,6	5,3		5,7
Mỹ Latinh và Caribe	3,9	2,2	2,3		
Các nền kinh tế phát triển	2,5	1,5	1,5		
Các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển	3,7	4,0	4,0		
Tăng trưởng ngoại thương thế giới (bao gồm hàng hóa và dịch vụ)	5,6	0,2	0,9		

Nguồn: WB, IMF, OECD, ADB

1.1.2. Phân tích một số yếu tố đáng chú ý của kinh tế toàn cầu trong năm 2023

Thương mại hàng hóa toàn cầu tiếp tục giảm trong năm 2023

Trong báo cáo Thước đo thương mại hàng hóa công bố ngày 27/11/2023, Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) nhận định khối lượng thương mại hàng hóa toàn cầu dần phục hồi với động lực đến từ doanh số bán và sản xuất ô tô cũng như thương mại linh kiện điện tử. Khối lượng thương mại hàng hóa dần phục hồi trong nửa cuối năm 2023. Các chỉ số có mức tăng trưởng cao như chỉ số về sản xuất và bán ô tô, thương mại linh kiện điện tử, vận tải hàng không. Nhu cầu toàn cầu về xe điện tăng cao là nguyên nhân dẫn đến tăng các chỉ số sản phẩm ô tô và linh kiện điện tử, trong khi đó thị trường bất động sản suy yếu khi lãi suất vẫn ở mức cao đã khiến chỉ số thương

mại của nguyên liệu thô giảm.

Theo IMF, so với năm 2022, tăng trưởng thương mại thế giới năm 2023 ước tính đạt 0,9% và dự báo sẽ tăng lên 3,5% vào năm 2024, nhưng vẫn thấp hơn nhiều so với mức trung bình 4,9% của giai đoạn 2000-2019. Điều này không chỉ phản ánh xu hướng nhu cầu toàn cầu mà còn phản ánh sự thay đổi cơ cấu thương mại đối với các dịch vụ trong nước; tác động trễ của việc tăng giá đồng đô la Mỹ làm chậm tăng trưởng thương mại do thanh toán chủ yếu được thực hiện bằng đô la Mỹ; các rào cản thương mại ngày càng gia tăng (năm 2022, các quốc gia đã áp đặt gần 3.000 hạn chế mới đối với thương mại, tăng gần 2000 hạn chế so với năm 2019).

OECD có cùng nhận định với IMF. Theo đó, OECD cho rằng tăng trưởng thương mại năm 2023 yếu và độ mở thương mại giảm. Khối lượng hàng hóa và dịch vụ được giao dịch ước tính chỉ tăng 0,1% trong nửa đầu năm 2023, trong đó khối lượng thương mại hàng hóa giảm 1,9%, khối lượng thương mại dịch vụ tăng 6,6% do việc bình thường hóa hoạt động du lịch đang diễn ra ở châu Á. Dữ liệu trong Quý III/2023 cho thấy sự phục hồi trong tăng trưởng thương mại ở Hoa Kỳ, Nhật Bản và Hàn Quốc, đi kèm với tốc độ tăng trưởng thương mại chậm hơn nhưng vẫn tích cực của Trung Quốc. Ngược lại, khối lượng thương mại ở Đức, Pháp, Tây Ban Nha và Hà Lan lại giảm.

Lạm phát toàn cầu có xu hướng giảm trong năm 2023

IMF nhận định lạm phát toàn cầu dự kiến sẽ giảm dần từ mức đỉnh 8,7% năm 2022 (trung bình năm) xuống 6,9% năm 2023. Mặc dù chính sách thắt chặt tiền tệ đang bắt đầu có kết quả, nhưng nguyên nhân chính khiến lạm phát dự kiến giảm năm 2023 là do giá hàng hóa quốc tế giảm.

Theo OECD, lạm phát chung đã giảm ở hầu hết các nền kinh tế chủ yếu là do sự đảo chiều giá năng lượng. Tuy nhiên, kể từ tháng 6/2023, việc cắt giảm sản lượng của các nền kinh tế chủ chốt trong OPEC+ đã làm tăng giá năng lượng. Sự gián đoạn nguồn cung, cùng với căng thẳng địa chính trị gia tăng, đã gây ra biến động giá khí đốt tự nhiên ở châu Âu vào nửa cuối năm 2023.

Phản ứng của giá dầu (giá giao ngay và tương lai), nhìn chung vẫn bình ổn sau tình hình ở Trung Đông. Giá dầu Brent phục hồi ngay sau vụ tấn công vào Israel nhưng lại giảm xuống dưới 90 USD/thùng. Thị trường được dự báo sẽ vẫn nhạy cảm với các dấu hiệu xung đột ngày càng mở rộng ở Trung Đông.

Giá kim loại vẫn ổn định trong nửa đầu năm 2023, với các tín hiệu thị trường cho thấy một bức tranh tương tự vào năm 2024. Giá kim loại ổn định là kết quả của nhu cầu yếu hơn từ Trung Quốc và dự trữ thế giới tăng cao đã bù đắp cho nhau, đồng thời

đổi trọng với thông báo về hạn chế nguồn cung mới đối với một số kim loại (ví dụ như nhôm hoặc đồng) và do chi phí sản xuất tăng. Dự kiến nhu cầu xe điện trên toàn cầu gia tăng sẽ làm phục hồi nhu cầu đối với một số kim loại (ví dụ niken hoặc lithium). Sau các cuộc tấn công vào Israel, giá vàng, được coi là kim loại quý đầu tư an toàn, đã tăng khoảng 10% và đạt 2000 USD/ounce. Giá bạc cũng có xu hướng tăng.

Các tín hiệu thị trường cho thấy giá hàng hóa nông nghiệp tiếp tục giảm trong những tháng cuối năm 2023. Chỉ số giá lương thực, thực phẩm của FAO (FFPI) đạt trung bình 120,4 điểm vào tháng 11/2023, không thay đổi nhiều so với tháng 10/2023, do chỉ số giá dầu thực vật, các sản phẩm từ sữa và đường tăng, đối trọng là giảm ở ngũ cốc và thịt. Chỉ số này thấp hơn 14,4 điểm (tương ứng giảm 10,7%) so với cùng kỳ năm trước. Ngoài ra, tin tức về vụ thu hoạch kỷ lục của một số nhà sản xuất chính và xuất khẩu mới từ Nga đã khiến giá lúa mì giảm khoảng 26% so với mức đỉnh vào tháng 3/2022.

Điều kiện tài chính toàn cầu có xu hướng hạn chế hơn

Theo OECD, các điều kiện tài chính đã bị thắt chặt ở hầu hết các nền kinh tế lớn, phản ánh tác động tích lũy của việc tăng lãi suất chính sách trong quá khứ và thắt chặt định lượng, cùng việc đánh giá lại của các bên tham gia thị trường về lộ trình lãi suất chính sách dự kiến trong tương lai và một số định giá lại rủi ro trong bối cảnh căng thẳng địa chính trị gia tăng.

Trên khắp thế giới, các điều kiện tài chính thắt chặt hơn đang ngày càng đè nặng lên các khoản chi tiêu nhạy cảm khi lãi suất tăng. Tuy nhiên, tổng mức tiêu dùng hộ gia đình vẫn tăng tốt hơn dự kiến ở các nền kinh tế phát triển và tiếp tục tăng trưởng ổn định ở hầu hết các nền kinh tế thị trường lớn mới nổi. Chi tiêu được hỗ trợ bởi thị trường lao động thắt chặt, với tốc độ tăng trưởng việc làm vẫn đủ mạnh để giữ tỷ lệ thất nghiệp ở mức thấp tại nhiều quốc gia.

Trước tình hình thắt chặt các điều kiện tín dụng và dấu hiệu hạ nhiệt trên thị trường lao động, Cục dự trữ Liên bang Hoa Kỳ (Fed) đã tạm dừng tăng lãi suất chính sách tại cuộc họp tháng 9/2023. Gần đây nhất, tại cuộc họp tháng 12/2023, Fed tiếp tục duy trì mức lãi suất đưa ra hồi tháng 9/2023. Các ngân hàng trung ương ở một số nền kinh tế phát triển khác tạm dừng tăng lãi suất chính sách vào tháng 9/2023 (Vương quốc Anh, Canada), trong khi các ngân hàng trung ương của một số nền kinh tế mới nổi và đang phát triển đã bắt đầu cắt giảm lãi suất khi áp lực lạm phát giảm bớt và lãi suất chính sách đang ở mức cao lịch sử.

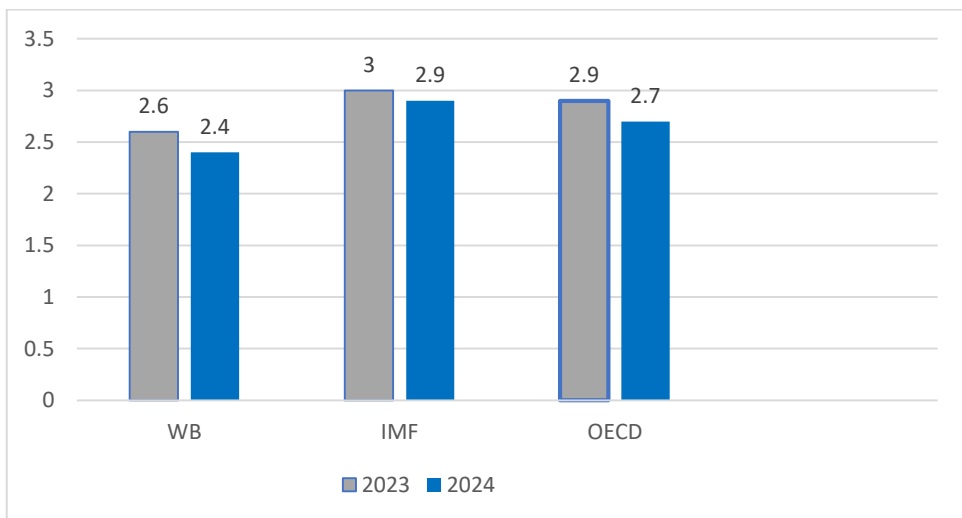
Thị trường lao động có dấu hiệu ổn định

Năm 2023, thị trường lao động ở các nền kinh tế phát triển tiếp tục quay trở lại tình trạng trước đại dịch. Phục hồi việc làm sau đại dịch ở các nền kinh tế này diễn ra nhanh hơn nhiều so với phục hồi kéo dài của thị trường lao động sau cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008-2009. Kể từ đầu năm 2021, nhiều nền kinh tế phát triển, trừ Vương quốc Anh, đã chứng kiến tỷ lệ thất nghiệp tiếp tục giảm trong khi tỷ lệ việc làm phản ánh hoạt động kinh tế của người dân đạt mức cao. Tuy nhiên, nhiều nền kinh tế phát triển tiếp tục phải đối mặt với tình trạng thiếu lao động ở một số ngành nghề nhất định và tỷ lệ việc làm cũng như thất nghiệp có sự khác biệt đáng kể giữa các quốc gia, cùng với sự khác biệt đáng kể về khoảng cách giới.

OECD nhận định trong khi tỷ lệ thất nghiệp vẫn ở mức thấp, các dấu hiệu nói lỏng thị trường lao động đã bắt đầu xuất hiện ở nhiều nền kinh tế, bao gồm tốc độ tăng trưởng việc làm hàng năm chậm lại, tỷ lệ bỏ việc giảm, số vị trí tuyển dụng thấp hơn và trong một số trường hợp tỷ lệ thất nghiệp tăng nhẹ. Trong các quốc gia OECD, tốc độ tăng lực lượng lao động ở mức 1,5% tính đến Quý III/2023, do dòng người di cư kinh tế tiếp tục tăng cao ở nhiều quốc gia và ở châu Âu, sự hội nhập của người tị nạn vào thị trường lao động.

1.2. Dự báo kinh tế thế giới năm 2024 của một số tổ chức quốc tế

1.2.1. Dự báo chung về tình hình kinh tế thế giới năm 2024



Hình 1.1. Ước tính tỷ lệ tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 và dự báo năm 2024 của WB, IMF và OECD (tỷ lệ tăng trưởng %)

Các tổ chức quốc tế (WB, IMF, OECD) cho rằng tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2024 thấp hơn năm 2023 và xu hướng khó khăn này sẽ tiếp tục duy trì khi hầu hết các tổ chức quốc tế dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế năm 2024 sẽ còn thấp hơn năm

2023 (Bảng 1.2). Nhìn chung, các báo cáo của các tổ chức này đều có cùng nhận định thế giới vẫn đang trong thời kỳ đầy biến động, những thay đổi về kinh tế, địa chính trị và sinh thái đều tác động đến triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Bảng 1.2. Tổng hợp các dự báo của một số tổ chức quốc tế về tăng trưởng kinh tế tại một số nước/khu vực và thế giới (tỷ lệ tăng trưởng %)

Tăng trưởng kinh tế	Dự báo của WB			Dự báo của IMF		Dự báo của OECD			Dự báo của ADB	
	Ước tính	Dự báo		Ước tính	Dự báo	Ước tính	Dự báo		Ước tính	Dự báo
	2023	2024	2025	2023	2024	2023	2024	2025	2023	2024
Thế giới	2,6	2,4	2,7	3,0	2,9	2,9	2,7	3,0		
Hoa Kỳ	2,5	1,6	1,7	2,1	1,5	2,4	1,5	1,7	2,4	1,8
Nhật Bản	1,8	0,9	0,8	2,0	1,0	1,7	1,0	1,2	1,6	0,6
Hàn Quốc				1,4	2,2				1,3	2,2
Khu vực đồng Euro	0,4	0,7	1,6	0,7	1,2	0,6	0,9	1,5	0,5	0,8
OECD						1,7	1,4	1,8		
BRIC										
<i>Trung Quốc</i>	5,2	4,5	4,3	5,0	4,2	5,2	4,7	4,2	4,9	4,5
<i>Ấn Độ</i>	6,3	6,4	6,5	6,3	6,3	6,3	6,1	6,5	6,7	6,7
<i>Nga</i>	2,6	1,3	0,9	2,2	1,1					
<i>Braxin</i>	3,1	1,5	2,2	3,1	1,5	3,0	1,8	2,0		
ASEAN									4,3	4,7
<i>Singapo</i>				1,0	2,1				1,0	2,5
<i>Indônêxia</i>	5,0	4,9	4,9	5,0	5,0	4,9	5,2	5,2	5,0	5,0
<i>Malaixia</i>	3,9	4,3	4,2	4,0	4,3				4,2	4,6
<i>Thái Lan</i>	2,5	3,2	3,1	2,7	3,2				2,5	3,3
<i>Việt Nam</i>	4,7	5,5	6,0	4,7	5,8				5,2	6,0
<i>Campuchia</i>	5,4	5,8	6,1	5,6	6,1					
<i>Lào</i>	3,7	4,1	4,3	4,0	4,0					
<i>Philippin</i>	5,6	5,8	5,8	5,3	5,9				5,7	6,2
Trung Đông và Bắc Phi	1,9	3,5	3,5							
Mỹ Latinh và Caribe	2,2	2,3	2,5	2,3	2,3					
Các nền kinh tế phát triển	1,5	1,2	1,6	1,5	1,4					
Các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển	4,0	3,9	4,0	4,0	4,0					
Tăng trưởng ngoại thương thế giới (bao gồm hàng hóa và dịch vụ)	0,2	2,3	3,1	0,9	3,5					

Nguồn: WB, IMF, OECD, ADB

(i) Dự báo của Ngân hàng Thế giới (WB)

Trong Báo cáo Triển vọng kinh tế toàn cầu¹ công bố tháng 1/2024, WB cho rằng hầu hết các nền kinh tế tiên tiến cũng như đang phát triển dự kiến sẽ tăng trưởng chậm hơn trong năm 2024 và 2025 so với thập kỷ trước đại dịch COVID19. Tăng trưởng toàn cầu dự kiến sẽ giảm trong năm thứ ba liên tiếp, chỉ đạt 2,4% năm 2024 trước khi tăng lên 2,7% vào năm 2025. Tuy nhiên, tỷ lệ đó vẫn thấp hơn nhiều so với mức trung bình 3,1% của những năm 2010. Tăng trưởng đầu tư bình quân đầu người trong năm 2023 và 2024 dự kiến sẽ chỉ ở mức trung bình 3,7%, gần bằng một nửa mức trung bình của hai thập kỷ trước. Theo WB, nếu không có biện pháp khắc phục, tăng trưởng toàn cầu sẽ vẫn thấp hơn nhiều so với tiềm năng trong thời gian còn lại của thập niên 2020.

Lạm phát đang giảm ở các nền kinh tế lớn trong khi lạm phát cơ bản ở Hoa Kỳ và EU vẫn tiếp tục tăng và thị trường lao động vẫn thắt chặt, dẫn đến lãi suất tiếp tục cao. WB nhận định trong thời gian tới ngành du lịch tiếp tục phục hồi, tăng trưởng thương mại toàn cầu sẽ chậm lại do xu hướng tiêu dùng đang chuyển sang dịch vụ. Chính sách tài khóa sẽ không ảnh hưởng nhiều đến tăng trưởng toàn cầu khi thắt chặt vừa phải ở các thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển, nhưng lại có xu hướng hỗ trợ tại các nền kinh tế phát triển.

Báo cáo phân tích tăng trưởng toàn cầu dự kiến sẽ chậm hơn nữa trong năm 2024, trong bối cảnh những tác động chậm và liên tục của chính sách tiền tệ thắt chặt, điều kiện tài chính hạn chế cũng như thương mại và đầu tư toàn cầu yếu kém. Rủi ro đối với triển vọng bao gồm sự leo thang của cuộc xung đột gần đây ở Trung Đông và sự gián đoạn thị trường hàng hóa liên quan, căng thẳng tài chính trong bối cảnh nợ tăng cao và chi phí vay cao, lạm phát dai dẳng, tăng trưởng chậm hơn ở Trung Quốc, phân mảnh thương mại và biến đổi khí hậu, thiên tai liên quan. Trong bối cảnh đó, các nhà hoạch định chính sách trên khắp thế giới phải đối mặt với những thách thức to lớn. Mặc dù đầu tư vào các thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển (EMDE) có thể vẫn ở mức thấp, nhưng bài học rút ra từ các giai đoạn tăng tốc đầu tư trong 7 thập kỷ qua nhấn mạnh tầm quan trọng của các hành động chính sách cơ cấu và kinh tế vĩ mô cũng như sự tương tác của chúng với các thể chế hoạt động tốt trong việc thúc đẩy đầu tư và do đó có triển vọng tăng trưởng dài hạn. Các EMDE xuất khẩu hàng hóa phải đối mặt với một loạt thách thức đặc biệt trong bối cảnh chính sách tài khóa có tính chu kỳ và biến động. Điều này nhấn mạnh sự cần thiết phải có một khuôn khổ tài chính được thiết kế phù hợp, kết hợp với môi trường thể chế mạnh mẽ, có thể

¹ Global Economic Prospects, World Bank, 1/2024

giúp xây dựng các vùng đệm trong thời kỳ bùng nổ giá hàng hóa. Ở cấp độ toàn cầu, cần tăng cường hợp tác để giảm nợ, tạo điều kiện hội nhập thương mại, giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu và giảm bớt tình trạng mất an ninh lương thực.

Cuộc xung đột gần đây ở Trung Đông, cùng với xung đột Nga - Ukraina, đã làm gia tăng những rủi ro địa chính trị. Xung đột leo thang có thể dẫn đến giá năng lượng tăng vọt, gây ra những tác động rộng lớn hơn đối với hoạt động toàn cầu và lạm phát. Những rủi ro khác bao gồm căng thẳng tài chính liên quan đến lãi suất thực tăng cao, lạm phát dai dẳng, tăng trưởng yếu hơn dự kiến ở Trung Quốc, sự phân mảnh thương mại hơn nữa và các thảm họa liên quan đến biến đổi khí hậu.

Trong bối cảnh đó, các nhà hoạch định chính sách phải đối mặt với những thách thức to lớn và những sự đánh đổi khó khăn. Cần tăng cường hợp tác quốc tế để giảm nợ, đặc biệt cho các nước nghèo nhất; giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu và thúc đẩy quá trình chuyển đổi năng lượng; tạo thuận lợi cho dòng chảy thương mại; và giảm bớt tình trạng mất an ninh lương thực. Các ngân hàng trung ương EMDE cần bảo đảm rằng kỳ vọng lạm phát vẫn được duy trì tốt và hệ thống tài chính có khả năng phục hồi tốt. Nợ công và chi phí đi vay tăng cao hạn chế không gian tài chính và đặt ra những thách thức đáng kể đối với EMDE - đặc biệt là những nước có xếp hạng tín dụng yếu - đang tìm cách cải thiện tính bền vững tài chính đồng thời đáp ứng nhu cầu đầu tư. Các nhà xuất khẩu hàng hóa còn phải đối mặt thêm với thách thức trong việc đối phó với biến động giá cả hàng hóa, điều này nhấn mạnh sự cần thiết phải có khung chính sách mạnh mẽ. Để thúc đẩy tăng trưởng dài hạn, cần phải cải cách cơ cấu để đẩy nhanh đầu tư, cải thiện tăng trưởng năng suất và thu hẹp khoảng cách giới trong thị trường lao động.

Triển vọng khu vực: Mặc dù dự kiến có một số cải thiện về tăng trưởng ở hầu hết các khu vực EMDE nhưng triển vọng chung vẫn còn yếu. Tăng trưởng trong năm nay được dự đoán sẽ chậm lại ở Đông Á và Thái Bình Dương - chủ yếu do tốc độ tăng trưởng chậm hơn ở Trung Quốc, Châu Âu, Trung Á và Nam Á. Dự kiến chỉ có một sự cải thiện nhỏ về tốc độ tăng trưởng ở Châu Mỹ Latinh và Caribe. Dự kiến tăng trưởng sẽ tăng rõ rệt hơn ở Trung Đông và Bắc Phi, được hỗ trợ bởi sản lượng dầu tăng và khu vực châu Phi cận Sahara, phản ánh sự phục hồi. Vào năm 2025, tốc độ tăng trưởng dự kiến sẽ tăng mạnh ở hầu hết các khu vực khi các công ty trên toàn cầu phục hồi hoạt động của họ.

Sự kỳ diệu của tăng tốc đầu tư: Đầu tư thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, giúp giảm nghèo và sẽ không thể thiếu để giải quyết vấn đề biến đổi khí hậu và đạt được các mục tiêu phát triển quan trọng khác ở EMDE. Nếu không có hành động chính sách

tiếp theo, tăng trưởng đầu tư ở các nền kinh tế này có thể sẽ vẫn âm đạm trong thời gian còn lại của thập kỷ này. Trong 7 thập kỷ qua, tăng trưởng đầu tư thường tăng vọt lên hơn 10% mỗi năm. Các quốc gia tăng tốc đầu tư thường gặt hái được thành quả kinh tế: tăng trưởng sản lượng khoảng 2 điểm phần trăm và tăng trưởng năng suất tăng 1,3 điểm phần trăm mỗi năm. Các lợi ích khác cũng được hiện thực hóa trong phần lớn các giai đoạn như vậy: lạm phát giảm, cân bằng tài chính và đối ngoại được cải thiện và tỷ lệ nghèo quốc gia giảm. Hầu hết các bước tăng tốc đều theo sau hoặc đi kèm với những thay đổi chính sách nhằm cải thiện sự ổn định kinh tế vĩ mô, cải cách cơ cấu hoặc cả hai. Những hành động chính sách này đặc biệt có lợi cho việc thúc đẩy tăng tốc đầu tư khi kết hợp với các thể chế hoạt động tốt. Môi trường bên ngoài thuận lợi cũng đóng vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy tăng tốc đầu tư trong nhiều trường hợp.

Chính sách tài khóa ở các nước xuất khẩu hàng hóa: Cả tính thuận chu kỳ và tính biến động của chính sách tài khóa - vốn có chung một số động lực cơ bản - đều gây tổn hại cho tăng trưởng kinh tế vì chúng khuếch đại chu kỳ kinh doanh. Các chính sách cơ cấu, bao gồm sự linh hoạt của tỷ giá hối đoái và nới lỏng các hạn chế đối với các giao dịch tài chính quốc tế, có thể giúp giảm cả tính thuận chu kỳ tài chính và biến động tài chính. Bằng cách áp dụng các chính sách của nền kinh tế tiên tiến liên quan đến chế độ tỷ giá hối đoái, hạn chế đối với dòng tài chính xuyên biên giới và sử dụng các quy tắc tài chính, các EMDE xuất khẩu hàng hóa có thể tăng tốc độ tăng trưởng GDP bình quân đầu người lên khoảng 1 điểm phần trăm cứ sau 4 đến 5 năm. Những chính sách như vậy cần được hỗ trợ bởi các thể chế tài chính bền vững, được thiết kế tốt và có định hướng ổn định, có thể giúp xây dựng vùng đệm trong thời kỳ bùng nổ giá hàng hóa để chuẩn bị cho bất kỳ đợt sụt giảm giá nào sau đó. Một cam kết mạnh mẽ về kỷ luật tài chính là rất quan trọng để các tổ chức này hoạt động hiệu quả trong việc đạt được các mục tiêu của mình.

(ii) Dự báo của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF)

Theo báo cáo Triển vọng kinh tế thế giới tháng 10/2023 của IMF², tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 ước đạt 3,0% (thấp hơn mức 3,5% năm 2022) và sẽ giảm nhẹ xuống mức 2,9% năm 2024. IMF giữ nguyên mức dự báo cho năm 2023 và điều chỉnh giảm 0,1 điểm phần trăm cho năm 2024 so với dự báo cập nhật tháng 7/2023. IMF cũng điều chỉnh dự báo tăng trưởng của các nền kinh tế lớn, trong đó điều chỉnh tăng dự báo tăng trưởng đối với Hoa Kỳ và điều chỉnh giảm đối với Trung Quốc và khu vực đồng Euro. Đối với các nền kinh tế phát triển, ước tính tăng trưởng năm 2023

² World Economic Outlook, IMF, October 2023

đạt 1,5% và giảm nhẹ xuống mức 1,4% năm 2024. IMF dự báo các nền kinh tế phát triển sẽ có mức tăng trưởng ổn định năm 2024 do hoạt động dịch vụ mạnh bù đắp cho hoạt động chế biến, chế tạo yếu. Các nền kinh tế đang phát triển và thị trường mới nổi được ước tính tăng trưởng ở mức 4,0% trong năm 2023 và tỷ lệ này không thay đổi cho năm 2024, điều chỉnh giảm 0,1 điểm phần trăm cho năm 2024 so với dự báo trước do khủng hoảng trong lĩnh vực bất động sản ở Trung Quốc kéo dài.

IMF cho rằng nền kinh tế toàn cầu vẫn đang phục hồi từ đại dịch Covid-19, nâng dự báo tăng trưởng kinh tế Hoa Kỳ, đồng thời hạ dự báo tăng trưởng kinh tế Trung Quốc và khu vực đồng euro, cho rằng tăng trưởng kinh tế toàn cầu nói chung vẫn ở mức thấp và không đồng đều. Định chế này cũng cho rằng triển vọng kinh tế toàn cầu trong trung hạn sẽ không có nhiều cải thiện so với hiện nay. IMF vẫn lo ngại về những rủi ro liên quan đến cuộc khủng hoảng bất động sản ở Trung Quốc, giá hàng hoá cơ bản biến động khó lường, tình trạng phân rã địa kinh tế, và sự trỗi dậy của lạm phát.

Theo IMF, nền kinh tế toàn cầu tiếp tục phục hồi chậm chạp sau những ảnh hưởng của đại dịch, cuộc xung đột Nga- Ukraina và cuộc khủng hoảng chi phí sinh hoạt. Dù xảy ra biến động trong thị trường năng lượng và thực phẩm do chiến tranh gây ra, cũng như các điều kiện tiền tệ toàn cầu được thắt chặt chưa từng có để chống lại lạm phát cao hàng thập kỷ, nhưng nền kinh tế toàn cầu đã không bị đình trệ. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng vẫn chậm và không đồng đều, với sự khác biệt ngày càng tăng trên toàn cầu. Hoạt động kinh tế toàn cầu chạm đáy trong khi lạm phát đang dần được kiểm soát. Nhưng sự phục hồi hoàn toàn theo xu hướng tiền đại dịch dường như ngày càng nằm ngoài tầm với, đặc biệt là ở các thị trường mới nổi và các nền kinh tế đang phát triển. Thế giới đang có nhiều bấp bênh. Sự phân rã địa kinh tế, tăng trưởng năng suất thấp, và các xu hướng nhân khẩu học không có lợi. Tất cả những yếu tố này dẫn tới sự giảm tốc của tăng trưởng trong trung hạn.

Bảng 1.3. Dự báo của IMF về tăng trưởng kinh tế, giá tiêu dùng và thất nghiệp của một số nước và khu vực trên thế giới (tỷ lệ tăng trưởng %)

	2022			2023 (Ước tính)			2024 (Dự báo)		
	Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế	Chỉ số giá tiêu dùng	Tỷ lệ thất nghiệp	Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế	Chỉ số giá tiêu dùng	Tỷ lệ thất nghiệp	Tỷ lệ tăng trưởng kinh tế	Chỉ số giá tiêu dùng	Tỷ lệ thất nghiệp
Thế giới	3,5			3,0			2,9		
Các nền kinh tế phát triển	2,6	7,3		1,5	4,6		1,4	3,0	
Hoa Kỳ	2,1	8,0	3,6	2,1	4,1	3,6	1,5	2,8	3,8
Khu vực Euro	3,3	8,4	6,7	0,7	5,6	6,6	1,2	3,3	6,5
Đức	1,8	8,7	3,1	-0,5	6,3	3,3	0,9	3,5	3,3
Pháp	2,5	5,9	7,3	1,0	5,6	7,4	1,3	2,5	7,3

Nhật Bản	1,0	2,5	2,9	2,0	3,2	2,7	1,0	2,9	3,2
Hàn Quốc	2,6	5,1	3,7	1,4	3,4	3,7	2,2	2,3	3,7
Anh	4,1	9,1	3,7	0,5	7,7	4,2	0,6	3,7	4,6
Canada	3,4	6,8	5,3	1,3	3,6	5,5	1,6	2,4	6,3
Singapo	3,6	6,1	2,1	1,0	5,5	1,8	2,1	3,5	1,8
Các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển	4,1			4,0			4,0		
Nga	-2,1	13,8	3,9	2,2	5,3	3,3	1,1	6,3	3,1
Trung Quốc	3,0	1,9	5,5	5,0	0,7	5,3	4,2	1,7	5,2
Ấn Độ	7,2	6,7		6,3	5,5		6,3	4,6	
ASEAN-5 (Indônêxia, Malaixia, Philippin, Thái Lan, Việt Nam)	5,5	4,8		4,2	3,6		4,5	2,5	
Indonesia	5,3	4,2	5,9	5,0	3,6	5,3	5,0	2,5	5,2
Thái Lan	2,6	6,1	1,3	2,7	1,5	1,2	3,2	1,6	1,1
Việt Nam	8,0	3,2	2,3	4,7	3,4	2,1	5,8	3,4	2,1
Philippin	7,6	5,8	5,4	5,3	5,8	4,7	5,9	3,2	5,1
Malaysia	8,7	3,4	3,8	4,0	2,9	3,6	4,3	2,7	3,5
Mỹ La Tinh và Caribê	4,1	14,0		2,3	13,8		2,3	10,7	
Brazil	2,9	9,3	9,3	3,1	4,7	8,3	1,5	4,5	8,2
Mexico	3,9	7,9	3,3	3,2	5,5	2,9	2,1	3,8	3,1
Trung Đông và Trung Á	5,6	14,0		2,0	18,0		3,4	15,2	
Châu Phi Cận Saharan	4,0	14,5		3,3	15,8		4,0	13,1	
Các nước đang phát triển thu nhập thấp	5,2			4,0			5,1		

Nguồn: World Economic Outlook (WEO), IMF, 10/2023

IMF dự báo lạm phát đang tiếp tục giảm trên toàn cầu, chủ yếu do giá năng lượng giảm và một phần do giá lương thực-thực phẩm xuống thang. Theo dự báo của IMF, lạm phát bình quân toàn cầu năm 2023 sẽ là 6,9%, giảm từ mức 8,7% trong năm 2022, và tiếp tục giảm còn 5,8% trong năm 2024. Lạm phát lõi, chỉ số không bao gồm giá lương thực-thực phẩm và năng lượng, giảm chậm hơn, còn 6,3% trong năm 2023 từ 6,4% trong năm 2022, và còn 5,3% trong năm 2024. Nguyên nhân lạm phát lõi giảm chậm là thị trường lao động còn thắt chặt và lạm phát giá dịch vụ dai dẳng hơn dự báo. Do đó, các dự báo ngày càng phù hợp với kịch bản “hạ cánh mềm”, giúp giảm lạm phát mà không làm suy giảm đáng kể hoạt động kinh tế, đặc biệt là ở Hoa Kỳ, nơi tỷ lệ thất nghiệp được dự báo tăng nhẹ, từ 3,6 lên 3,9% vào năm 2025. Mặc dù việc thắt chặt tiền tệ đang bắt đầu có kết quả, nhưng nguyên nhân chính khiến lạm phát chung dự kiến giảm vào năm 2023 là do giá hàng hóa quốc tế giảm. Gần 3/4 các nền kinh tế có lạm phát thấp hơn trong năm 2023, nhưng tốc độ giảm phát đặc biệt rõ rệt ở các nền kinh tế tiên tiến. Một phần của sự khác biệt này phản ánh sự hưởng lợi của các nền kinh tế tiên tiến từ các khuôn khổ chính sách tiền tệ và truyền thông mạnh mẽ hơn, tạo điều kiện cho giảm phát. Ở các nước đang phát triển có thu nhập thấp, lạm phát trung bình được dự báo ở mức hai con số và dự kiến sẽ không giảm năm

2024.

Theo IMF, các quốc gia có lạm phát năm 2023 ước tính ở mức trung bình bao gồm Trung Quốc, Thái Lan và Việt Nam. Ở Trung Quốc, ảnh lạm phát cơ bản giảm trong bối cảnh kinh tế trì trệ đáng kể, với tỷ lệ thất nghiệp ở thanh niên gia tăng và hiệu ứng từ chi phí năng lượng thấp hơn. Ở Thái Lan, do giá năng lượng thấp hơn nên lạm phát cơ bản cũng như lạm phát giá nhà thấp hơn. Ở Việt Nam, điều này phản ánh sự suy giảm trong hoạt động kinh tế và tác động lan truyền từ giá năng lượng thấp hơn. Năm 2024, lạm phát dự kiến vẫn sẽ vượt mục tiêu 89% nền kinh tế, với độ lệch trung bình dự kiến là khoảng 1 điểm phần trăm. Đến năm 2025, lạm phát dự kiến sẽ chỉ nằm trong khoảng 0,2 điểm phần trăm so với mục tiêu ở hầu hết các nền kinh tế. IMF khuyến cáo các ngân hàng trung ương không nên nới lỏng chính sách tiền tệ quá sớm. IMF đang kêu gọi các quốc gia tiếp tục cảnh giác về chính sách tiền tệ cho đến khi lạm phát giảm về mục tiêu một cách bền vững, đồng thời kêu gọi các nước xem xét lại chính sách tài khoá để có đủ năng lực giải quyết những thách thức hoặc cú sốc trong tương lai.

IMF nhận định thị trường việc làm nhìn chung vẫn sôi động và tỷ lệ thất nghiệp tiếp tục ở mức thấp lịch sử tại hầu hết các nền kinh tế phát triển, nhưng chưa có nhiều bằng chứng cho thấy một vòng xoáy tăng lương có thể dẫn tới sự bùng nổ trở lại của lạm phát, ngay cả khi công nhân ô tô Hoa Kỳ đang tiến hành một cuộc đình công lớn.

IMF lưu ý rằng hoạt động đầu tư trên toàn cầu đang thấp hơn so với trước đại dịch, trong đó các doanh nghiệp đều ngại mở rộng sản xuất-kinh doanh và không muốn dấn thân vào rủi ro trong bối cảnh lãi suất tăng, chính phủ ngừng các biện pháp kích cầu tài khoá, và các điều kiện cho vay trở nên thắt chặt hơn trước.

Báo cáo của IMF cho thấy nhiều nền kinh tế được dự báo tăng trưởng nhanh nhất thế giới năm 2024 nằm ở khu vực châu Á và châu Phi Cận Sahara. Đây là hai khu vực ghi nhận tăng trưởng kinh tế nhanh nhất thế giới... Đang có sự khác biệt về tăng trưởng, sự suy giảm rõ rệt ở các nền kinh tế tiên tiến so với các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển. Tại các nền kinh tế tiên tiến, Hoa Kỳ đã gây bất ngờ về đà tăng trưởng nhờ tiêu dùng và đầu tư tăng, trong khi tăng trưởng kinh tế tại khu vực đồng euro giảm xuống. Nhiều nền kinh tế thị trường mới nổi vẫn có đà tăng trưởng, ngoại trừ đáng chú ý là Trung Quốc đang phải đối mặt với những trở ngại ngày càng tăng từ cuộc khủng hoảng bất động sản và niềm tin suy yếu.

Theo IMF, có 3 diễn biến đáng chú ý đối với kinh tế toàn cầu. Thứ nhất, quá trình phục hồi các dịch vụ gần như đã hoàn tất. Trong năm qua, nhu cầu dịch vụ mạnh mẽ đã hỗ trợ các nền kinh tế định hướng dịch vụ, bao gồm các điểm đến du lịch quan

trọng như Pháp và Tây Ban Nha, so với các cường quốc sản xuất như Trung Quốc và Đức. Nhu cầu cao về các dịch vụ sử dụng nhiều lao động cũng dẫn đến thị trường lao động thắt chặt hơn và lạm phát dịch vụ cao hơn và lâu hơn. Tuy nhiên, hoạt động dịch vụ hiện đang suy yếu cùng với tình trạng sản xuất chậm lại kéo dài, cho thấy lạm phát dịch vụ sẽ giảm trong năm 2024.

Thứ hai, một phần nguyên nhân suy thoái là kết quả của chính sách tiền tệ thắt chặt cần thiết để giảm lạm phát. Điều này đang bắt đầu gây ảnh hưởng nhưng sự tác động không đồng đều giữa các quốc gia. Các điều kiện tín dụng chặt chẽ hơn đang đè nặng lên thị trường nhà ở, hoạt động đầu tư, đặc biệt là ở các quốc gia có tỷ lệ thế chấp có lãi suất điều chỉnh cao hơn hoặc nơi các hộ gia đình ít sẵn sàng sử dụng tiền tiết kiệm của mình. Tỷ lệ doanh nghiệp phá sản đã gia tăng ở Hoa Kỳ và khu vực đồng euro. Các quốc gia cũng đang ở những thời điểm khác nhau trong chu kỳ tăng trưởng của mình: các nền kinh tế tiên tiến (trừ Nhật Bản) đang gần đạt đỉnh chính sách tiền tệ thắt chặt, trong khi một số nền kinh tế thị trường mới nổi, như Brazil và Chile, đã bắt đầu nới lỏng chính sách tiền tệ.

Thứ ba, lạm phát được hình thành bởi cú sốc giá hàng hóa năm ngoái. Các nền kinh tế phụ thuộc nhiều vào nhập khẩu năng lượng của Nga đã trải qua giá năng lượng tăng mạnh hơn và suy thoái rõ rệt hơn. Một số nghiên cứu gần đây cho thấy tác động dây chuyền từ giá năng lượng cao hơn đóng vai trò lớn trong việc thúc đẩy lạm phát cơ bản tăng lên ở khu vực đồng euro, không giống như ở Hoa Kỳ, nơi áp lực lạm phát cơ bản phản ánh thị trường lao động thắt chặt. Bất chấp những dấu hiệu suy yếu, thị trường lao động ở các nền kinh tế tiên tiến vẫn sôi động, với tỷ lệ thất nghiệp thấp kỷ lục. Cho đến nay, có rất ít bằng chứng về “vòng xoáy giá lương” và tiền lương thực tế vẫn ở dưới mức trước đại dịch.

Dự báo của Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD)

Trong Báo cáo Triển vọng kinh tế thế giới tháng 11/2023³, OECD nhận định tăng trưởng toàn cầu dù “kiên cường” nhưng đã có dấu hiệu chững lại. Trong bối cảnh những cú sốc tiêu cực từ cuộc xung đột ở Ucraina và việc thắt chặt chính sách tiền tệ mạnh mẽ của các quốc gia khi các ngân hàng trung ương ứng phó với lạm phát vượt mục tiêu, tăng trưởng toàn cầu đã phục hồi ngoài mong đợi. OECD ước tính tăng trưởng GDP toàn cầu năm 2023 đạt 2,9%, điều chỉnh giảm 0,1 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 9/2023. Sự khác biệt trong tăng trưởng giữa các quốc gia có dấu hiệu ngày càng tăng. Theo đó, tăng trưởng đã chậm lại ở nhiều nền kinh tế phát triển, đặc biệt ở châu Âu. Trong khi đó, Hoa Kỳ đã duy trì tăng trưởng GDP ở mức tốt hơn,

³ OECD Economic Outlook, November 2023

đồng thời các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển cũng duy trì tốc độ tăng trưởng gần bằng mức trước đại dịch.

Tăng trưởng kinh tế thế giới “kiên cường” trong năm 2023, nhờ quá trình bình thường hóa tiêu dùng ở Trung Quốc và tăng trưởng cao hơn ở Hoa Kỳ đã bù đắp cho sự suy giảm mạnh ở châu Âu. Tuy nhiên, do chính sách thắt chặt tiền tệ gần đây, lĩnh vực bất động sản của Trung Quốc tiếp tục sụt giảm kéo dài và khu vực đồng Euro trì trệ. OECD dự báo tăng trưởng kinh tế toàn cầu sẽ giảm xuống còn 2,7% năm 2024. Việc thắt chặt chính sách tiền tệ kể từ đầu năm 2022 dẫn tới tăng lãi suất ở nhiều nền kinh tế và làm chậm lại tốc độ tăng trưởng nhu cầu trong nước. Ngoài ra, chính sách tài khóa cũng dự kiến vẫn hạn chế ở hầu hết các quốc gia, đặc biệt là vào năm 2024, khi các biện pháp hỗ trợ năng lượng sẽ ngày giảm dần.

Bảng 1.4. Dự báo của OECD về tăng trưởng GDP, tỷ lệ thất nghiệp, lạm phát và thương mại thế giới (tỷ lệ tăng trưởng %)

Quốc gia/khu vực	Trung bình giai đoạn 2013-2019	2022	Ước tính	Dự báo 2024	Dự báo 2025
Tăng trưởng GDP					
Thế giới	3,4	3,3	2,9	2,7	3,0
G20	3,5	3,0	3,1	2,8	3,0
OECD	2,2	2,9	1,7	1,4	1,8
Hoa Kỳ	2,4	1,9	2,4	1,5	1,7
Khu vực đồng Euro	1,9	3,4	0,6	0,9	1,5
Nhật Bản	0,8	0,9	1,7	1,0	1,2
Ngoài-OECD	4,4	3,6	4,0	3,8	4,0
Trung Quốc	6,8	3,0	5,2	4,7	4,2
Ấn Độ	6,8	7,2	6,3	6,1	6,5
Brazil	-0,4	3,0	3,0	1,8	2,0
Tỷ lệ thất nghiệp trong OECD	6,5	5,0	4,8	5,1	5,1
Tỷ lệ lạm phát					
G20	3,0	7,9	6,2	5,8	3,8
OECD	1,6	9,3	7,4	5,3	3,9
Hoa Kỳ	1,4	6,5	3,9	2,8	2,2
Khu vực đồng Euro	0,9	8,4	5,5	2,9	2,3
Nhật Bản	0,9	2,5	3,2	2,6	2,0
Tăng trưởng thương mại thế giới	3,4	5,2	1,1	2,7	3,3

Nguồn: OECD Economic Outlook, 11/2023

Theo OECD, kinh tế thế giới trong năm 2024 có thể sẽ "hạ cánh mềm", đặc biệt là ở các nền kinh tế phát triển. Giải thích về việc "hạ cánh mềm", OECD nhấn mạnh, tốc độ tăng trưởng kinh tế thế giới trong hai năm tới sẽ chậm lại ở mức vừa phải. Tuy nhiên, OECD vẫn thận trọng trước những dự báo nói trên, viện dẫn những diễn biến

địa chính trị thế giới. Đặc biệt, cuộc xung đột Hamas - Israel hiện nay có thể làm chệch hướng trong ngắn hạn. OECD đánh giá, nếu cuộc xung đột lan rộng ra toàn khu vực Trung Đông, kinh tế thế giới sẽ đối mặt với nhiều nguy cơ tăng trưởng chậm lại, đồng thời làm gia tăng lạm phát.

OECD nhận định lạm phát đã giảm so với mức đỉnh năm 2022, đồng thời dự đoán rằng lạm phát sẽ quay trở lại mức mục tiêu của các ngân hàng trung ương vào năm 2025 ở hầu hết các nền kinh tế. Theo OECD, lạm phát ở khu vực đồng tiền chung châu Âu sẽ giảm xuống 2,9% năm 2024 sau mức 5,5% trong năm 2023 và sẽ ổn định ở mức 2,3% vào năm 2025. Lạm phát vẫn ở mức cao, theo OECD, các ngân hàng trung ương phải tránh nói lỏng quá sớm. Việc cắt giảm sản lượng của các nền kinh tế chủ chốt của OPEC+ và sự gián đoạn nguồn cung trên thị trường dầu mỏ đã khiến giá dầu tăng cao kể từ tháng 6/2023. Điều này kết hợp với sự không chắc chắn do căng thẳng địa chính trị gia tăng hiện đang đe dọa triển vọng hạ thấp lạm phát.

Châu Á được OECD dự đoán sẽ tiếp tục đóng góp phần lớn vào tăng trưởng kinh tế toàn cầu trong các năm 2024 - 2025, tương tự như năm 2023. OECD ước tính tăng trưởng của Trung Quốc ở mức 5,2% trong năm 2023, dự báo mức 4,7 năm 2024 và 4,2 năm 2025. Nền kinh tế Trung Quốc được dự báo sẽ chậm lại do nước này phải đối mặt với nhiều biến động trong lĩnh vực bất động sản cũng như người tiêu dùng tiết kiệm nhiều hơn trước. Nhật Bản được dự báo sẽ tăng trưởng chậm lại trong năm 2024, xuống còn 1% từ mức 1,7% trong năm 2023. Sau đó, nền kinh tế thứ ba thế giới này được dự đoán sẽ tăng nhẹ lên mức 1,2% trong năm 2025.

Đối với Hoa Kỳ, OECD nâng ước tính tăng trưởng kinh tế của nước này trong năm 2023 ở mức 2,4% và sẽ suy giảm trong năm 2024, đạt 1,5% trước khi hồi phục vừa phải lên mức 1,7% vào năm 2025. OECD cũng dự báo tăng trưởng kinh tế của Khu vực đồng Euro trong năm 2023 và 2024 lần lượt ở mức 0,6% và 0,9%, nhưng sẽ khởi sắc hơn vào năm 2025 với mức tăng trưởng 1,5%. Đức - nền kinh tế lớn nhất khu vực thoát khỏi suy thoái kinh tế trong năm nay. Kinh tế Anh tăng trưởng không mấy đột phá trong năm 2023, dự kiến ở mức 0,5% trước khi dần khởi sắc trong các năm 2024 và 2025, với mức tăng trưởng lần lượt là 0,7% và 1,2%.

Trên khắp các nước OECD, tỷ lệ thất nghiệp vẫn ở mức thấp với mức dự kiến là 5,1% cho cả năm 2024 và 2025. Tỷ lệ này được dự báo sẽ tăng ở Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Canada và Australia. Tuy nhiên, tỷ lệ thất nghiệp tại Nhật Bản và ở khu vực đồng euro dự kiến sẽ vẫn ở mức thấp và gần bằng mức hiện tại là 6,5%.

OECD nhận định, tăng trưởng lực lượng lao động vẫn mạnh trên toàn cầu, tốc độ tăng trưởng việc làm hàng năm chậm lại, số lượng vị trí tuyển dụng thấp hơn và trong

một số trường hợp tỷ lệ thất nghiệp tăng nhẹ. Hiện nay, thị trường lao động ổn định tiếp tục hỗ trợ tiêu dùng tư nhân. Tuy nhiên, song song với điều này, đầu tư tư nhân được dự đoán sẽ bị kéo xuống bởi lãi suất cao. Điều này cũng tác động đến thị trường nhà ở, đầu tư bất động sản nhìn chung yếu ở các nền kinh tế OECD trong nửa cuối năm 2022 và nửa đầu năm 2023 trong bối cảnh lãi suất thế chấp cao.

OECD cảnh báo, một cuộc xung đột lan rộng ở Trung Đông có thể nhấn chìm những kỳ vọng kinh tế toàn cầu hiện nay, đặc biệt đối với các nền kinh tế châu Âu, nơi đang hứng chịu những cú sốc rất rõ ràng thông qua giá năng lượng và lương thực tăng cao. Một cuộc xung đột rộng hơn ở Trung Đông có thể tạo ra sự gián đoạn đáng kể đối với thị trường năng lượng và các tuyến thương mại chính, và nếu thị trường tài chính gặp rủi ro thêm, điều đó sẽ làm chậm tăng trưởng hơn nữa và cuối cùng làm tăng thêm lạm phát. Kỳ vọng lạm phát tăng lên có thể khiến các ngân hàng trung ương giữ lãi suất chính sách cao hơn dự kiến trong thời gian dài hơn dự kiến, đi kèm với các tiêu chuẩn tín dụng chặt chẽ hơn làm chậm chi tiêu hơn nữa, dẫn đến thất nghiệp và phá sản gia tăng.

Dự báo của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB)

Báo cáo cập nhật Asian Development Outlook (ADO) tháng 12 năm 2023 của Ngân hàng Phát triển châu Á (ADB) dự báo các nước đang phát triển ở châu Á tăng trưởng lạc quan nhờ nhu cầu nội địa tốt. Tuy nhiên, nhu cầu hàng hóa bên ngoài khu vực yếu đi và những lo ngại về thị trường bất động sản ở Trung Quốc sẽ ảnh hưởng đến triển vọng tăng trưởng chung của khu vực châu Á.

Triển vọng tăng trưởng kinh tế của các nền kinh tế đang phát triển ở châu Á vẫn vững chắc bất chấp những thách thức toàn cầu. Ước tính tăng trưởng trung bình năm 2023 của các nước này đạt 4,9% (so với mức 4,7% năm 2022), do nhu cầu trong nước mạnh mẽ. Dự báo năm 2024 được duy trì ở mức 4,8%.

Tăng trưởng của khu vực Đông Á năm 2023 được điều chỉnh lên 4,7% do mức tăng trưởng quý 3 cao hơn dự kiến ở Trung Quốc. Dự báo cho năm 2024 được duy trì ở mức 4,2% ở khu vực này.

ADB ước tính tăng trưởng kinh tế khu vực Nam Á đạt 5,7% năm 2023 (điều chỉnh tăng so với báo cáo trước đó), nhờ mức tăng trưởng mạnh hơn dự kiến ở Ấn Độ, và dự báo tăng trưởng sẽ ở mức 6,0% cho năm 2024. Triển vọng năm 2023 của khu vực Caucasus và Trung Á đã được cải thiện, với mức tăng trưởng hiện được ước tính ở mức 4,8%, chủ yếu nhờ kỳ vọng tăng trưởng nhanh hơn ở Kazakhstan. Dự báo năm 2024 được điều chỉnh giảm nhẹ xuống 4,6%. Dự báo tăng trưởng khu vực Thái Bình Dương không thay đổi ở mức 3,5% cho năm 2023 và 2,9% cho năm 2024 nhờ sự

phục hồi liên tục của du lịch quốc tế và việc nối lại các dự án cơ sở hạ tầng công cộng.

Lạm phát ở các nền kinh tế đang phát triển ở châu Á được dự báo sẽ giảm từ 4,4% năm 2022 xuống mức 3,5% trong năm 2023, trước khi tăng nhẹ lên 3,6% vào năm 2024. Rủi ro chính đối với khu vực này liên quan đến lãi suất cao hơn trong thời gian dài hơn ở các nền kinh tế tiên tiến, điều này có thể gây ra bất ổn tài chính. Sự gián đoạn nguồn cung có thể xảy ra do El Niño và xung đột Nga - Ukraina có thể làm gia tăng các thách thức về an ninh lương thực và năng lượng, đồng thời khơi dậy lạm phát.

Bảng 1.5. Dự báo của ADB về tăng trưởng kinh tế của một số nước năm 2023 và 2024 (tỷ lệ %)

Quốc gia/khu vực	Tăng trưởng GDP		Tỷ lệ lạm phát	
	Ước tính	Dự báo	Ước tính	Dự báo
	2023	2024	2023	2024
Hoa Kỳ	2,4	1,8	4,0	2,4
Nhật Bản	1,6	0,6	2,9	1,5
Hàn Quốc	1,3	2,2	3,6	2,5
Khu vực đồng Euro	0,5	0,8	5,7	2,5
Các nền kinh tế đang phát triển ở châu Á	4,9	4,8	3,5	3,6
Đông Á	4,7	4,2	0,9	2,1
<i>Trung Quốc</i>	4,9	4,5	0,5	2,0
Nam Á	5,7	6,0	8,6	6,7
<i>Ấn Độ</i>	6,7	6,7	5,5	4,2
Đông Nam Á	4,8	4,7	4,2	3,5
<i>Singapo</i>	1,0	2,5	4,9	3,0
<i>Indônêxia</i>	5,0	5,0	3,6	3,0
<i>Malaixia</i>	4,2	4,6	2,8	2,7
<i>Thái Lan</i>	2,5	3,3	1,5	2,3
<i>Việt Nam</i>	5,2	6,0	3,8	4,0
<i>Philippin</i>	5,7	6,2	6,2	4,0

Nguồn: Asian Development Outlook Supplement, 12/2023

Bảng số liệu trên là dự báo của ADB về tăng trưởng kinh tế và tỷ lệ lạm phát của một số nước trong năm 2023 và 2024. Theo đó, Hoa Kỳ có tăng trưởng kinh tế dự kiến giảm từ 2.4% (2023) xuống còn 1.8% (2024), tỷ lệ lạm phát giảm từ 4.0% (2023) xuống 2.4% (2024). Có dấu hiệu giảm tăng trưởng kinh tế của Hoa Kỳ năm 2024, nhưng đồng thời cũng giảm tỷ lệ lạm phát, điều này có thể là kết quả của các biện pháp kiểm soát lạm phát và điều chỉnh chính sách kinh tế.

Tại Nhật Bản, tăng trưởng kinh tế giảm từ 1.6% (2023) xuống 0.6% (2024) và tỷ lệ lạm phát giảm từ 2.9% (2023) xuống 1.5% (2024). Nhật Bản dự kiến trải qua một giai đoạn tăng trưởng chậm hơn, nhưng cũng giảm đáng kể tỷ lệ lạm phát.

Theo ADB, tăng trưởng kinh tế Trung Quốc giảm từ 4.9% (2023) xuống 4.5% (2024). Tỷ lệ lạm phát nước này cũng sẽ tăng từ 0.5% (2023) lên 2.0% (2024). Trung Quốc đang trải qua sự giảm tăng trưởng kinh tế, đồng thời có tăng tỷ lệ lạm phát cao hơn trong năm nay, cho thấy nhiều thách thức kinh tế trong năm 2024.

Theo ADB, tăng trưởng kinh tế năm 2024 cao nhất là khu vực Nam Á (6.0%), động lực tăng trưởng của khu vực là Ấn Độ (6.7%). Trong khi đó, khu vực có tăng trưởng thấp nhất là khu vực đồng Euro (0.8%).

Báo cáo mới của ADB cho thấy nhiều quốc gia đang trải qua sự giảm tăng trưởng kinh tế, trong khi tỷ lệ lạm phát có xu hướng giảm với mức độ tùy thuộc vào từng quốc gia cụ thể.

Liên minh châu Âu (EU)

Theo Dự báo kinh tế mùa thu 2023 của EU⁴ được công bố vào ngày 15/11/2023, mặc dù kinh tế toàn cầu đã giảm tốc trong Quý II/2023 nhưng vẫn duy trì tăng trưởng trong nửa đầu năm 2023. Tăng trưởng toàn cầu năm 2023 đạt 3,1%, điều chỉnh tăng 0,3 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 5/2023 và giảm nhẹ xuống còn 2,9% năm 2024. Trong đó, khu vực châu Á mới nổi và Trung Quốc dự kiến sẽ đóng góp khoảng 60% cho tăng trưởng toàn cầu trong thời gian tới. Tăng trưởng năm 2024 được dự báo giảm nhẹ do tác động từ chính sách thắt chặt tiền tệ và tình trạng suy thoái ở Trung Quốc vẫn tiếp diễn. Theo dự báo này, nền kinh tế EU đã mất đà tăng trưởng trong năm nay do chi phí sinh hoạt cao, nhu cầu bên ngoài yếu và thắt chặt tiền tệ. Tuy nhiên, hoạt động kinh tế dự kiến sẽ dần phục hồi trong tương lai. Ủy ban châu Âu đã điều chỉnh mức tăng trưởng GDP của EU giảm xuống so với dự báo mùa hè, ở mức 0,6% ở cả EU và khu vực đồng euro, thấp hơn 0,2 điểm phần trăm so với dự báo mùa hè. Lạm phát ước tính đã giảm xuống mức thấp nhất trong hai năm tại khu vực đồng tiền chung euro vào tháng 10/2023 và dự kiến sẽ tiếp tục giảm trong thời gian tới. Tuy nhiên, xung đột ở Ukraina và Trung Đông được dự báo sẽ ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế EU.

1.2.2. Dự báo về một số vấn đề nổi bật của kinh tế thế giới năm 2024

Thương mại toàn cầu

Thương mại hàng hóa và dịch vụ toàn cầu hầu như không thay đổi năm 2023, tăng trưởng ước tính khoảng 0,2% - mức tăng trưởng chậm nhất nếu không tính các cuộc suy thoái toàn cầu trong 50 năm qua. Thương mại hàng hóa giảm sút trong năm 2023, phản ánh sự suy giảm ở các nền kinh tế tiên tiến quan trọng và sự giảm tốc ở

⁴ European Economic Forecast - Autumn 2023, European Union, 2023

các nền kinh tế EMDE, đồng thời phản ánh sự suy giảm mạnh về tăng trưởng sản xuất công nghiệp toàn cầu. Điều này đánh dấu sự suy giảm kéo dài đầu tiên trong thương mại hàng hóa. Tình trạng thương mại hàng hóa trì trệ và sự gián đoạn trong thời kỳ đại dịch được cải thiện chậm, nhưng áp lực chuỗi cung ứng toàn cầu đã trở lại mức trung bình trước đại dịch sau khi giảm xuống mức thấp kỷ lục vào giữa năm 2023. Thương mại dịch vụ chậm lại vào nửa cuối năm 2023, sau sự phục hồi ban đầu sau đại dịch.

Sau khi tụt lại so với tốc độ tăng trưởng toàn cầu năm 2023, thương mại toàn cầu được dự đoán sẽ tăng lên 2,3% năm 2024, phản ánh mức tăng trưởng dự kiến về sản lượng toàn cầu. Điều này cũng phản ánh sự bình thường hóa một phần các mô hình thương mại sau sự yếu kém đặc biệt vào năm ngoái. Thương mại hàng hóa dự kiến sẽ bắt đầu tăng trở lại, trong khi đóng góp của dịch vụ vào tổng tăng trưởng thương mại dự kiến sẽ giảm. Lượng khách du lịch toàn cầu dự kiến sẽ quay trở lại mức trước đại dịch.

Dự báo tăng trưởng thương mại toàn cầu năm 2024 đã được điều chỉnh giảm 0,5 điểm phần trăm so với hồi tháng 6/2023, do dự kiến mức tăng trưởng ở Trung Quốc và đầu tư toàn cầu yếu hơn. Do đó, tăng trưởng thương mại được dự đoán cho giai đoạn 2021-2024 là yếu nhất (nếu không tính các cuộc suy thoái toàn cầu) trong nửa thế kỷ qua.

Sự bất ổn về địa chính trị, đặc biệt là trong bối cảnh xung đột vũ trang đang diễn ra và khả năng suy thoái kéo dài hơn ở Trung Quốc gây ra những rủi ro tiêu cực đối với triển vọng thương mại. Một rủi ro tiêu cực khác phát sinh từ khả năng áp dụng các biện pháp tiếp theo nhằm hạn chế thương mại quốc tế. Sự gia tăng gần đây trong việc sử dụng các chính sách hạn chế thương mại, cũng như các chính sách trợ cấp và công nghiệp nhằm nội địa hóa sản xuất, đã đẩy nhanh việc các công ty đa quốc gia của Hoa Kỳ và EU quay trở lại hoạt động mong muốn đa dạng hóa nguồn cung ứng để giảm khả năng gặp phải những cú sốc bất lợi. Việc tiếp tục xu hướng này có thể dẫn đến chuỗi cung ứng bị phân mảnh nhiều hơn và tăng trưởng thương mại chậm hơn so với dự kiến.

Thị trường hàng hóa

Giá trung bình của hầu hết các mặt hàng tính theo đồng đô la Mỹ đã giảm năm 2023 trong bối cảnh nhu cầu giảm bớt. Tuy nhiên, chúng vẫn cao hơn 40% so với mức trước đại dịch. Giá dầu thô biến động mạnh trong năm ngoái, kể cả sau cuộc xung đột ở Trung Đông, đạt trung bình 83 USD/thùng, giảm từ 100 USD/thùng năm 2022. Việc cắt giảm sản lượng của OPEC+ hầu hết được bù đắp bởi sản lượng cao

hơn ở những nơi khác, bao gồm cả ở Cộng hòa Hồi giáo Iran và Hoa Kỳ. Hiện tại, công suất dự phòng của OPEC+ chỉ ở mức hơn 5 triệu thùng/ngày. Giá dầu dự kiến sẽ giảm xuống còn 81 USD/thùng năm 2024 khi hoạt động kinh tế toàn cầu chậm lại và nền kinh tế Trung Quốc tiếp tục giảm tốc. Sự leo thang xung đột ở Trung Đông là nguy cơ tăng giá lớn đối với giá dầu. Nhìn lại từ những năm 1970, một loạt các sự kiện địa chính trị quan trọng, thường được đánh dấu bằng xung đột quân sự, đã tác động rõ rệt đến nguồn cung dầu. Việc OPEC+ cắt giảm sản lượng (vượt quá mức dự kiến trong quý 1 năm 2024) và nhu cầu hàng hóa mạnh hơn dự kiến cũng có thể dẫn đến giá hàng hóa cao hơn.

Giá khí đốt tự nhiên và than giảm đáng kể năm 2023 do các nước ở Châu Âu giảm nhu cầu năng lượng và duy trì lượng khí đốt tồn kho trên 90% khả năng lưu trữ của họ. Giá khí đốt tự nhiên dự kiến sẽ giảm hơn nữa năm 2024 và 2025 khi sản lượng và xuất khẩu khí đốt tự nhiên hóa lỏng tăng. Rủi ro chính đối với giá khí đốt bao gồm sự gián đoạn nguồn cung từ Trung Đông liên quan đến xung đột và mùa đông lạnh hơn thường lệ ở châu Âu.

Giá kim loại giảm 10% năm 2023 do nhu cầu tăng chậm từ các nền kinh tế lớn—đặc biệt là Trung Quốc, quốc gia chiếm 60% lượng tiêu thụ kim loại toàn cầu, trong bối cảnh lĩnh vực bất động sản của nước này suy giảm kéo dài. Giá kim loại dự kiến sẽ giảm hơn nữa trong năm 2024, trước khi tăng vào năm 2025 khi lĩnh vực bất động sản của Trung Quốc ổn định và nhu cầu về kim loại được sử dụng trong quá trình chuyển đổi xanh (như đồng và niken) tăng lên. Sự suy thoái lớn hơn dự kiến trong lĩnh vực bất động sản của Trung Quốc là nguy cơ chính khiến giá cả sụt giảm.

Giá lương thực - thành phần lớn nhất trong chỉ số giá nông nghiệp - đã giảm 9% năm 2023, phản ánh nguồn cung dồi dào từ các loại cây trồng chính, đặc biệt là ngũ cốc. Gạo là ngoại lệ - giá gạo tăng 27% trong năm 2023 trong bối cảnh hạn chế xuất khẩu gạo từ Ấn Độ, nước xuất khẩu gạo hàng đầu thế giới. Giá lương thực dự kiến sẽ giảm gần 1% năm 2024 và 4% vào năm 2025. Những rủi ro chính đối với giá lương thực bao gồm tăng chi phí năng lượng, các hiện tượng thời tiết bất lợi (có thể do El Niño đang diễn ra ngày càng gia tăng), các hạn chế thương mại hơn nữa và sự bất ổn về địa chính trị ở khu vực Biển Đen. Rủi ro dài hạn bao gồm tác động của biến đổi khí hậu và việc gia tăng nhu cầu về nhiên liệu sinh học.

Mất an ninh lương thực vẫn là thách thức chính trong bối cảnh lạm phát giá thực phẩm tiêu dùng ở mức cao. Số người bị mất an ninh lương thực nghiêm trọng trên toàn cầu ước tính đã tăng từ 624 triệu năm 2017 lên 900 triệu vào năm 2022. Giá gạo tăng gần đây có thể làm trầm trọng thêm tình trạng mất an ninh lương thực vì gạo là

lượng thực chính cho hơn một nửa dân số thế giới, cung cấp hơn 20% lượng calo tiêu thụ trên toàn thế giới.

Lạm phát toàn cầu

Theo WB, đỉnh lạm phát toàn cầu ở mức 8,6% đã qua từ lâu (vào quý 3/2022), đến thời điểm cuối năm 2023, lạm phát thế giới trở về mức khoảng 5%. Mặc dù chính sách thắt chặt tiền tệ đang bắt đầu có kết quả, nhưng nguyên nhân chính khiến lạm phát dự kiến giảm vào năm 2023 là do giá hàng hóa quốc tế giảm.

Năm 2024-2025, lạm phát toàn cầu dự kiến sẽ giảm hơn nữa, do tăng trưởng yếu về nhu cầu toàn cầu. Nhu cầu yếu đi phản ánh tác động của các điều kiện tín dụng và tiền tệ thắt chặt cũng như thị trường lao động yếu đi. Do đó, lạm phát toàn cầu tính theo từng năm được dự báo sẽ giảm xuống 3,7% năm 2024 và 3,4% năm 2025 - vẫn cao hơn mức trung bình trước đại dịch (2015-2019). Đặc biệt, dự báo cho thấy lạm phát năm nay thấp hơn so với năm ngoài ở 85% các nước EMDE. Tuy vậy, các chuyên gia cho rằng lạm phát toàn cầu trở về mức 2% như kỳ vọng sẽ mất thời gian khá lâu, thay vào đó, thế giới dần định hình lại, không nhất thiết kéo lạm phát về mức tối ưu 2% mà có thể ở mức cao hơn.

Việc kiểm soát lạm phát giá năng lượng và thực phẩm, cùng với nhu cầu tiêu dùng hàng hóa chậm lại và sự phục hồi của chuỗi cung ứng toàn cầu, đã giảm áp lực đối với lạm phát hàng hóa. Tuy nhiên, lạm phát vẫn cao hơn mục tiêu ở hầu hết các nền kinh tế tiên tiến và ở khoảng một nửa các nước EMDE. Ở các nền kinh tế tiên tiến, quá trình luân chuyển nhu cầu từ hàng hóa sang dịch vụ vẫn tiếp tục.

Sự suy giảm lạm phát cơ bản diễn ra trong các điều kiện tăng trưởng khác nhau rõ rệt ở các quốc gia. Tại Hoa Kỳ, tình trạng giảm lạm phát đã diễn ra cùng với hoạt động được cải thiện và tỷ lệ thất nghiệp thấp, một phần nhờ vào cải thiện chuỗi cung ứng và giá dầu giảm. Lạm phát giảm ở khu vực đồng euro đi kèm với tăng trưởng yếu, phản ánh những cú sốc tiêu cực về nguồn cung do giá năng lượng tăng mạnh trước đó. Ở hầu hết các EMDE, lạm phát đã giảm vào năm ngoài do tăng trưởng suy yếu. Tuy nhiên, ở những quốc gia đang phải đối mặt với căng thẳng tài chính, lạm phát vẫn ở mức rất cao cùng với sự mất giá của đồng tiền.

1.2.3. Những rủi ro đối với triển vọng kinh tế toàn cầu

Theo WB, khả năng xung đột ở Trung Đông gia tăng là một nguy cơ tiêu cực lớn. Điều này, hoặc căng thẳng địa chính trị gia tăng ở những nơi khác, có thể có tác động tiêu cực thông qua thị trường hàng hóa, liên kết thương mại và tài chính. Tăng trưởng yếu, nợ cao và lãi suất vẫn cao làm tăng nguy cơ căng thẳng tài chính, đặc biệt là ở các EMDE dễ bị tổn thương hơn. Lạm phát cao hơn hoặc dai dẳng hơn có thể đòi hỏi

một thời gian chính sách tiền tệ thắt chặt kéo dài hơn giả định. Hoạt động kinh tế chậm lại gần đây ở Trung Quốc làm tăng khả năng tăng trưởng chậm hơn dự kiến, điều này sẽ có tác động lan tỏa bất lợi trên toàn cầu. Sự phân mảnh thương mại và các thảm họa liên quan đến khí hậu cũng có thể dẫn đến tăng trưởng yếu hơn trong ngắn hạn và dài hạn.

Rủi ro xung đột và địa chính trị

Rủi ro địa chính trị đã gia tăng mạnh mẽ sau cuộc xung đột gần đây ở Trung Đông, sau cuộc xung đột Nga - Ukraina. Bất kỳ sự leo thang nào của những xung đột này đều có thể gây ra những hậu quả đáng kể trên thị trường hàng hóa và hoạt động kinh tế. Trong khi những tác động của xung đột ở Trung Đông lên giá cả hàng hóa cho đến nay vẫn chưa được xác định, các tiền lệ lịch sử cho thấy rằng sự leo thang có thể dẫn đến sự gián đoạn nguồn cung dầu đáng kể và giá cả hàng hóa tăng đột biến, đặc biệt nếu các nhà sản xuất dầu lớn bị lôi kéo vào các cuộc xung đột. Ở cấp độ toàn cầu, giá năng lượng tăng vọt có thể đẩy lạm phát tăng cao, làm giảm niềm tin của doanh nghiệp và người tiêu dùng, đồng thời dẫn đến thắt chặt các điều kiện tài chính, làm giảm đầu tư và hoạt động kinh tế khác. Thật vậy, biến động giá dầu là nguyên nhân chính gây ra biến động lạm phát toàn cầu trong 50 năm qua, đặc biệt là trong hai thập kỷ qua.

Sự bất ổn ngày càng tăng liên quan đến môi trường địa chính trị và kết quả xung đột có thể làm tăng thêm những tác động này. Các sự kiện địa chính trị có thể thúc đẩy việc tìm kiếm sự an toàn trên thị trường vốn quốc tế, dẫn đến tỷ giá hối đoái giảm ở những nền kinh tế được coi là rủi ro hơn, có thể là nguyên nhân gây lạm phát lớn ở EMDE. Chiến tranh cũng có thể làm giảm khả năng cung ứng toàn cầu bằng cách chuyển hướng dòng vốn và thương mại quốc tế, đồng thời làm gián đoạn chuỗi cung ứng, bao gồm các tuyến vận chuyển toàn cầu quan trọng. Các cuộc tấn công gần đây nhằm vào các tàu thương mại ở Biển Đỏ đã thúc đẩy việc định tuyến lại phần lớn hàng hóa thường đi qua Kênh đào Suez, kéo dài thời gian giao hàng và tăng chi phí. Những sự chậm trễ này làm tăng khả năng xảy ra tắc nghẽn nguồn cung do lạm phát, mặc dù mức độ của rủi ro này sẽ phụ thuộc vào mức độ và thời gian gián đoạn, cũng như sự tương tác với các vấn đề khác trong chuỗi cung ứng như việc giảm công suất do điều kiện thời tiết ở Kênh đào Panama.

Tại các khu vực bị ảnh hưởng trực tiếp, chẳng hạn như Trung Đông, Châu Âu và Trung Á, xung đột kéo dài có thể tác động nghiêm trọng đến tăng trưởng và phát triển thông qua nhiều kênh. Tổn thất về nhân mạng, thương tích và sự tàn phá hạ tầng sẽ trực tiếp làm suy giảm năng lực sản xuất của nền kinh tế. Sự lo lắng nhiều hơn của

người tiêu dùng và doanh nghiệp sẽ làm giảm đáng kể nhu cầu. Chi tiêu quân sự được tài trợ bằng nợ ngày càng tăng có thể bù đắp những tác động tiêu cực này về nhu cầu trong ngắn hạn, nhưng nó có khả năng làm hao mòn các nguồn lực để sử dụng lâu dài hiệu quả hơn.

Tăng trưởng yếu hơn ở Trung Quốc

Suy thoái mạnh hơn dự kiến ở Trung Quốc sẽ ảnh hưởng xấu đến thương mại toàn cầu cũng như thị trường hàng hóa và tài chính. Lĩnh vực bất động sản có thể không ổn định nếu tình trạng bất ổn kéo dài cản trở người mua tiềm năng hoặc nếu căng thẳng tài chính gia tăng của các nhà phát triển bất động sản hạn chế việc tài trợ cho các dự án mới hoặc buộc phải dừng các dự án hiện có. Sự bất ổn kéo dài có thể kìm hãm chi tiêu hộ gia đình và đầu tư tư nhân. Trong bối cảnh nợ công và tư nhân ngày càng cao, với căng thẳng tài chính làm trầm trọng thêm thách thức trong việc thanh toán các khoản nợ hiện tại, tạo ra các vòng phản ứng tiêu cực đối với hoạt động kinh tế. Sự lan tỏa quốc tế từ sự suy giảm mạnh ở Trung Quốc có thể rất nghiêm trọng. Tầm quan trọng của Trung Quốc với tư cách là điểm đến xuất khẩu tiếp tục tăng lên trong những thập kỷ gần đây, đặc biệt là đối với các nước EMDE. Đồng thời, Trung Quốc đã trở thành nguồn cầu quan trọng hơn nhiều đối với hàng hóa, đặc biệt là năng lượng và kim loại. Gần đây hơn, quốc gia này đã nổi lên như một nước tiêu thụ lớn các mặt hàng quan trọng trong quá trình chuyển đổi năng lượng xanh.

Tác động lan tỏa trực tiếp sẽ nghiêm trọng nhất đối với các quốc gia có quan hệ thương mại sâu rộng với Trung Quốc, đặc biệt là những quốc gia tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu với Trung Quốc, bao gồm nhiều nền kinh tế định hướng xuất khẩu ở khu vực Đông Á và Thái Bình Dương. Ngoài ra, các nhà xuất khẩu hàng hóa ở Mỹ Latinh, đặc biệt là quặng sắt và đồng, sẽ phải đối mặt với những tác động đặc biệt bất lợi. Hoạt động kinh tế yếu hơn ở Trung Quốc cũng sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu và giá năng lượng toàn cầu, tác động tiêu cực đến các nhà xuất khẩu năng lượng. Sự suy thoái ở Trung Quốc cũng có thể ảnh hưởng xấu đến điều kiện tài chính toàn cầu. Mặc dù mối liên kết trực tiếp giữa nền kinh tế Trung Quốc và thị trường tài chính toàn cầu còn hạn chế, nhưng tác động kinh tế vĩ mô của chu kỳ tín dụng của Trung Quốc có thể làm thay đổi tâm lý nhà đầu tư. Vì vậy, nếu suy thoái trong lĩnh vực bất động sản ngày càng trầm trọng, việc gia tăng nợ xấu có thể khiến các nhà cho vay trong nước phải “thắt lưng buộc bụng” để bảo toàn vốn và thanh khoản. Những tác động dây chuyền đến nhu cầu ở Trung Quốc và hậu quả của chúng có thể khiến những người tham gia thị trường điều chỉnh giảm kỳ vọng tăng trưởng toàn cầu, khiến tâm lý e ngại rủi ro tăng lên, từ đó dẫn đến việc thắt chặt các điều kiện tài chính toàn cầu. Vị thế của Trung Quốc với tư cách là chủ nợ song phương lớn của nhiều nước EMDE

tạo ra một kênh tiềm năng hơn nữa cho tác động lan tỏa bất lợi. Áp lực lên bảng cân đối kế toán của những người cho vay trong nước có thể làm giảm sự sẵn sàng mở rộng tín dụng ra nước ngoài của họ. Ngược lại, điều này có thể làm trầm trọng thêm tình hình tài chính vốn đã căng thẳng của một số quốc gia có thu nhập trung bình thấp và thấp.

Căng thẳng tài chính

Lãi suất ở các nền kinh tế tiên tiến đã tăng rõ rệt trong vài năm qua, khi các ngân hàng trung ương hành động để kiềm chế lạm phát. Thỉnh thoảng cũng có những đợt tăng lãi suất trái phiếu dài hạn, có liên quan đến các giai đoạn căng thẳng tài chính, bao gồm sự bất ổn trên thị trường ở Anh vào năm 2022 và sự phá sản của một số ngân hàng Hoa Kỳ vào đầu năm 2023. Những đợt bất ổn tài chính này bắt nguồn từ những phản ứng chính sách tức thời và sâu rộng. Tuy nhiên, vẫn tồn tại rủi ro rằng lãi suất thị trường tăng trở lại hoặc lãi suất chính sách thực tăng cao trong thời gian dài có thể bộc lộ những lỗ hổng tài chính và kinh tế tiềm ẩn, làm thắt chặt mạnh các điều kiện tài chính toàn cầu.

Việc nói lỏng tiền tệ ở các nền kinh tế tiên tiến có thể bị trì hoãn nếu tiến trình đưa lạm phát trở lại mục tiêu chậm lại hoặc nếu thị trường lao động thắt chặt bất ngờ. Ngoài ra, một cú sốc nguồn cung tiêu cực, chẳng hạn như giá dầu tăng mạnh liên quan đến diễn biến địa chính trị, có thể khiến lạm phát gia tăng. Sau một thời gian dài lạm phát trên mức mục tiêu, các ngân hàng trung ương có thể đánh giá rằng việc tăng giá các mặt hàng không cốt lõi có thể làm tăng kỳ vọng lạm phát, đòi hỏi phải có chính sách tiền tệ chặt chẽ hơn. Trong những trường hợp như thế khiến lợi suất trái phiếu cao hơn.

Những diễn biến như vậy có thể đẩy lãi suất đi vay lên cao hơn, kìm hãm tăng trưởng tín dụng và khiến giá tài sản giảm mạnh. Đối với các tổ chức tài chính, sự dốc lên đột ngột và rõ rệt của đường cong lợi suất, do sự gia tăng phí bảo hiểm kỳ hạn đối với các chứng khoán có thời hạn dài, có thể dẫn đến suy giảm vốn và làm trầm trọng thêm tình trạng thắt chặt tín dụng. Đối với các doanh nghiệp trong các lĩnh vực nhạy cảm với lãi suất, bao gồm bất động sản thương mại, việc luân chuyển các khoản vay có thể trở thành một thách thức. Theo thời gian, hộ gia đình có thể gặp khó khăn trong việc trả các khoản vay, bao gồm cả các khoản thế chấp có lãi suất điều chỉnh.

Các nước EMDE sẽ dễ bị ảnh hưởng bởi tác động lan tỏa từ các điều kiện tài chính thắt chặt hơn do lãi suất ở Hoa Kỳ cao hơn hoặc tâm lý e ngại rủi ro gia tăng. Đồng đô la Mỹ sẽ mạnh lên so với các đồng tiền các nước EMDE, làm tăng chi phí trả nợ bằng đồng đô la Mỹ và có thể gây cản trở trong ngắn hạn đối với hoạt động

kinh tế của các nước EMDE, cũng như làm tăng lạm phát. Các EMDE có thâm hụt tài chính và tài khoản vãng lai sẽ gặp rủi ro đặc biệt về dòng vốn. Áp lực lạm phát có thể khiến các ngân hàng trung ương EMDE trì hoãn việc nới lỏng tiền tệ, làm giảm tốc độ tăng trưởng hơn nữa. Số lượng EMDE gặp khó khăn về nợ cũng có thể tăng lên, làm tăng khả năng xảy ra một làn sóng vỡ nợ chính phủ mới.

Sự phân mảnh thương mại

Việc gia tăng các hạn chế thương mại, vốn đã trở nên phổ biến hơn trong những năm gần đây, gây ra một nguy cơ thiệt hại khác đối với triển vọng tăng trưởng toàn cầu cả trong ngắn hạn và dài hạn. Các hạn chế thương mại có xu hướng làm giảm hiệu quả kinh tế và thường không đạt được các mục tiêu cơ bản. Sự phân mảnh thương mại có thể là kết quả của sự thay đổi trong mô hình phụ thuộc lẫn nhau giữa các quốc gia với sự gia tăng các mối liên kết gián tiếp thông qua chuỗi cung ứng. Ví dụ, sau khi Hoa Kỳ tăng thuế đối với hàng nhập khẩu từ Trung Quốc vào năm 2018 và 2020, các quốc gia mở rộng thị phần tại Hoa Kỳ cũng tăng cường quan hệ thương mại với Trung Quốc. Do đó, việc tăng thuế như vậy có thể không đạt được mục tiêu chính là giảm sự phụ thuộc kinh tế của Hoa Kỳ vào Trung Quốc, nhưng chúng có thể dẫn đến giá hàng hóa nhập khẩu cao hơn cho người tiêu dùng Hoa Kỳ do tăng độ dài và độ phức tạp của chuỗi cung ứng.

Các công ty ở một số nền kinh tế tiên tiến đang đánh giá lại mức độ rủi ro của chuỗi giá trị toàn cầu và chuyển hướng đầu tư sang chuỗi cung ứng trong nước hoặc khu vực để giảm thiểu khả năng dễ bị tổn thương trước rủi ro địa chính trị và các cú sốc chính sách thương mại. Tăng trưởng thương mại toàn cầu cũng có thể bị cản trở bởi các chính sách khác, bao gồm cả việc tăng trợ cấp cho các ngành công nghiệp trong nước ở các nền kinh tế lớn. Về lâu dài, sự phân tán ngày càng lớn của mạng lưới đầu tư và thương mại có thể làm suy yếu tiềm năng tăng trưởng do hạn chế phổ biến công nghệ xuyên biên giới, giảm hiệu quả và tăng giá.

Thiên tai xảy ra thường xuyên hơn với tác động ngày càng nghiêm trọng hơn

Khả năng xảy ra các thảm họa thiên nhiên ngày càng thường xuyên và nghiêm trọng, do biến đổi khí hậu, gây ra mối đe dọa toàn cầu, có khả năng gây ra những thiệt hại đáng kể về tính mạng, sinh kế và sản lượng. Thiên tai, bao gồm cả những thảm họa liên quan đến biến đổi khí hậu, đã ảnh hưởng đến 130 triệu người và gây ra trung bình hơn 40.000 ca tử vong hàng năm trong ba thập kỷ qua. Các thảm họa liên quan đến biến đổi khí hậu đã gây ra thiệt hại nghiêm trọng cho cơ sở hạ tầng công cộng và tư nhân, làm gián đoạn sản lượng và giảm năng suất. Những tác động bất lợi của biến đổi khí hậu và thiên tai đối với tăng trưởng có thể được khuếch đại do năng lực tài

chính hạn chế để ứng phó với chúng. Thiên tai cũng có thể gây ra rủi ro cho sự ổn định của khu vực ngân hàng bằng cách làm tổn hại đến tài sản thế chấp cho khoản vay và gây ra sự gia tăng các khoản nợ xấu. Đồng thời, lĩnh vực tài chính phải đối mặt với rủi ro cân đối kế toán từ quá trình chuyển đổi xanh, chẳng hạn như từ tài sản bị mắc kẹt trong các lĩnh vực có hàm lượng carbon cao.

Các thảm họa thiên nhiên liên quan đến biến đổi khí hậu có thể sẽ ảnh hưởng đến các quốc gia khác nhau ở mức độ khác nhau, tùy thuộc vào vị trí địa lý và cơ cấu kinh tế của họ. So với các nền kinh tế tiên tiến, các nền kinh tế EMDE có ít năng lực hơn để ứng phó với những thảm họa này, trong khi quá trình đô thị hóa mạnh mẽ ở một số EMDE có thể làm tăng tính dễ bị tổn thương trước các mối nguy hiểm như lũ lụt. Hơn nữa, tác động của thiên tai có thể không đồng đều giữa các nhóm dân cư và làm gia tăng tình trạng nghèo đói.

Biến đổi khí hậu và sự gia tăng liên quan đến thiên tai có thể làm trầm trọng thêm tình trạng nghèo đói thông qua nhiều kênh. Ví dụ, việc thay đổi điều kiện môi trường làm dịch bệnh lây lan trầm trọng hơn có thể dẫn đến tình trạng sức khỏe kém hơn đối với các hộ gia đình có thu nhập thấp, bao gồm cả tỷ lệ trẻ em thấp còi tăng lên. Những tác động bất lợi đến năng suất nông nghiệp cũng có thể làm tăng giá lương thực, điều này đặc biệt gây khó khăn cho các hộ gia đình nghèo phải chi phần lớn thu nhập của mình cho lương thực. Ở một số quốc gia, nhóm dân cư nghèo và dễ bị tổn thương sống trong các khu định cư không chính thức hoặc có thể không được tiếp cận với nhà ở đầy đủ, khiến họ dễ bị tổn thương hơn trước tác động của các hiện tượng thời tiết khắc nghiệt, các thảm họa thiên nhiên khác và các bệnh liên quan. Các thiên tai liên quan đến biến đổi khí hậu và các thiên tai khác cũng có thể ảnh hưởng không tương xứng đến người lao động nông nghiệp ở nhiều nước EMDE và làm tăng tình trạng mất an ninh lương thực ở những khu vực có số lượng lớn nông dân tự cung tự cấp, những người thiếu nguồn lực để duy trì tiêu dùng khi mất mùa.

1.2.4. Triển vọng kinh tế ở một số nền kinh tế và khu vực

Tăng trưởng ở các nền kinh tế lớn

Theo WB, tăng trưởng ở nhiều các nền kinh tế tiên tiến khá ổn định trong năm ngoái. Tuy nhiên, điều này phần lớn phản ánh những diễn biến ở Hoa Kỳ, nơi chi tiêu tiêu dùng nói riêng vẫn mạnh mẽ và chính sách tài khóa được mở rộng. Tăng trưởng ở các nền kinh tế tiên tiến được dự báo sẽ chậm lại năm 2024 - năm thứ ba liên tiếp - xuống còn 1,2% do nhu cầu trong nước giảm tốc. Tăng trưởng tiêu dùng tư nhân dự kiến sẽ yếu đi do sự thúc đẩy từ các yếu tố như lượng tiết kiệm tích lũy trong thời kỳ đại dịch dần giảm đi. Tăng trưởng đầu tư cũng sẽ tiếp tục ở mức thấp do lãi suất thực

cao kéo dài và các điều kiện tín dụng hạn chế sẽ làm giảm đầu tư kinh doanh. Hầu hết sự suy giảm tốc độ tăng trưởng của các nền kinh tế tiên tiến được dự đoán năm 2024 là do sự giảm tốc ở Hoa Kỳ; nó chỉ được bù đắp một phần bởi sự tăng trưởng dự kiến trong khu vực đồng euro khi những tác động kéo dài của những cú sốc giá trước đó không còn.

Tại Hoa Kỳ, hầu hết các tổ chức quốc tế cho rằng, năm 2022 tăng trưởng kinh tế của Hoa Kỳ đạt gần 2%, ước tính năm 2023 có mức tăng cao hơn (đạt khoảng 2,4%), bất chấp lãi suất vay tăng và các điều kiện tín dụng thắt chặt. Tuy nhiên năm 2024 tăng trưởng kinh tế của Hoa Kỳ sẽ thấp hơn năm 2023 từ 0,6 đến 1,2 điểm phần trăm (chỉ đạt khoảng từ 1,5% -1,8% tùy từng tổ chức dự báo). Chi tiêu tiêu dùng vẫn ổn định, được hỗ trợ bởi tiền tiết kiệm tích lũy, thị trường lao động thắt chặt và thu nhập khả dụng tăng lên nhờ điều chỉnh thuế. Theo WB, năm 2024, tăng trưởng của Hoa Kỳ dự kiến sẽ giảm xuống còn 1,6% do lãi suất thực cao sẽ hạn chế hoạt động kinh tế. Chính sách tài khóa dự kiến sẽ trở nên hạn chế hơn, ngay cả khi lãi suất tăng cao và tốc độ tăng trưởng suy yếu đè nặng lên cán cân ngân sách liên bang. Dự kiến, tăng trưởng tiêu dùng sẽ tiếp tục suy yếu trong bối cảnh tiết kiệm giảm, lãi suất vay vẫn tăng cao và tình trạng thắt chặt thị trường lao động giảm bớt. Đầu tư cố định của doanh nghiệp cũng có nguy cơ giảm tốc hơn nữa do các công ty vẫn thận trọng trước những bất ổn về kinh tế và chính trị cũng như việc tái cấp vốn cho nợ doanh nghiệp ngày càng tăng với lãi suất cao hơn. Theo WB, tăng trưởng kinh tế Hoa Kỳ dự kiến sẽ tăng lên tới 1,7% vào năm 2025, do tác động của việc nới lỏng chính sách tiền tệ tác động đến nền kinh tế.

Tại khu vực đồng euro, tăng trưởng kinh tế giảm mạnh năm 2023, ước tính chỉ đạt 0,4%, do giá năng lượng cao, phần lớn liên quan đến xung đột Nga – Ukraine, đè nặng lên chi tiêu hộ gia đình và hoạt động của các công ty, đặc biệt là trong lĩnh vực sản xuất. Tăng trưởng năm 2024 được dự báo sẽ ổn định ở mức 0,7%. Áp lực giá giảm bớt sẽ làm tăng tiền lương thực tế và nâng thu nhập khả dụng, nhưng tác động trễ của việc thắt chặt tiền tệ trước đây dự kiến sẽ hạn chế nhu cầu trong nước, đặc biệt là đầu tư kinh doanh. Dự báo tăng trưởng năm 2024 đã bị hạ 0,6 điểm phần trăm kể từ tháng 6, phần lớn là do nhiều điều kiện cung cấp tín dụng bất lợi hơn so với giả định trước đây.

Theo WB, tăng trưởng dự kiến sẽ đạt 1,6% năm 2025, được hỗ trợ bởi sự phục hồi trong tăng trưởng đầu tư, đặc biệt khi các quỹ NextGenerationEU (NGEU) của EU nâng cao đầu tư công và giúp bù đắp cán cân tài chính quốc gia. Việc tăng cường hấp thụ quỹ NGEU được xác định dựa trên các cột mốc cải cách đạt được trong các kế hoạch phục hồi. Các khoản đầu tư và cải cách liên quan đến NGEU dự kiến sẽ đẩy

nhanh quá trình chuyển đổi xanh và chuyển đổi số, đồng thời giải quyết các vấn đề cơ cấu lâu dài, từ đó hỗ trợ tăng trưởng dài hạn.

OECD nhận định hoạt động kinh tế của khu vực đồng Euro trong ngắn hạn vẫn còn yếu nhưng sẽ cải thiện dần khi lạm phát được kiểm soát, chính sách tiền tệ được nói lỏng và thu nhập thực tế phục hồi.

Tại Nhật Bản, tăng trưởng phục hồi trở lại ước tính 1,8% năm 2023, nhờ nhu cầu bị dồn nén sau đại dịch và sự phục hồi trong xuất khẩu ô tô cũng như du lịch nội địa. Ngân hàng Nhật Bản vẫn tiếp tục duy trì chính sách tiền tệ thích ứng, nhưng dần dần nói lỏng chính sách kiểm soát đường cong lợi suất và cho phép lãi suất dài hạn tăng. Nhìn chung, khi quá trình phục hồi sau đại dịch giảm dần, tốc độ tăng trưởng được dự báo sẽ chậm lại ở mức 0,9% năm 2024 và 0,8% vào năm 2025.

Trung Quốc, tăng trưởng ở Trung Quốc ước tính đạt khoảng 5,2% năm 2023. Sự suy thoái trong lĩnh vực bất động sản ngày càng gia tăng khi giá bất động sản và doanh số bán giảm, đồng thời phải chịu áp lực tài chính mới. Đầu tư bất động sản giảm, trong khi tốc độ tăng trưởng đầu tư cơ sở hạ tầng chậm hơn so với tốc độ trung bình trước đại dịch, dẫn đến tăng trưởng đầu tư cố định tổng thể giảm. Tiêu dùng cá nhân trong nước ổn định phần nào vào cuối năm, nhưng nhu cầu bên ngoài yếu gây áp lực lên xuất khẩu. Chính quyền đã thực hiện một số biện pháp kích thích, bao gồm hạ lãi suất, đồng thời mở rộng phát hành nợ chính phủ để hỗ trợ chi tiêu. Năm 2024, tốc độ tăng trưởng được dự báo sẽ chậm lại ở mức 4,5% - mức tăng trưởng chậm nhất trong hơn ba thập kỷ trừ những năm bị ảnh hưởng bởi đại dịch là 2020 và 2022. Trong khi sự hỗ trợ của chính quyền trung ương sẽ giúp tăng cường chi tiêu cho cơ sở hạ tầng thì chính quyền địa phương lại có không gian tài chính hạn chế để điều hành chính sách. Tăng trưởng thương mại cũng được dự đoán sẽ tiếp tục yếu năm 2024, do nhu cầu toàn cầu suy yếu đè nặng lên xuất khẩu và tăng trưởng nhu cầu trong nước chậm hơn kim hãm nhập khẩu, bao gồm cả nhập khẩu kim loại. Tăng trưởng dự kiến sẽ giảm hơn nữa vào năm 2025, xuống còn 4,3%, trong bối cảnh tốc độ tăng trưởng tiềm năng tiếp tục chậm lại. Nợ chồng chất hạn chế đầu tư, những trở ngại về nhân khẩu học và cơ hội bất kịp năng suất bị thu hẹp đều được cho là sẽ cản trở tăng trưởng tiềm năng.

Tăng trưởng ở một số khu vực

Tăng trưởng ở *Nam Á (SAR)* dự kiến sẽ giảm nhẹ từ mức ước tính 5,7% năm 2023 xuống 5,6% năm 2024, nhưng vẫn là tốc độ nhanh nhất trong EMDE, và sau đó ổn định ở mức 5,9% năm 2025. Tăng trưởng ở *Ấn Độ* được dự đoán sẽ tiếp tục mạnh mẽ, chủ yếu nhờ đầu tư và dịch vụ tăng mạnh. Ở các nền kinh tế khác, những tác

động bất lợi của lạm phát cao liên tục và việc thắt chặt chính sách tiền tệ và tài chính cũng như sự không chắc chắn về chính sách sẽ ảnh hưởng đến tăng trưởng. Mọi lo ngại cấp bách nhất là giá năng lượng và lương thực tăng cao do xung đột đang diễn ra ở Trung Đông và tác động lan tỏa bất lợi từ lãi suất chính sách tăng cao ở các nền kinh tế tiên tiến. Rủi ro căng thẳng về tài chính, các hiện tượng thời tiết cực đoan, tăng trưởng chậm lại ở Trung Quốc và sự bất ổn liên quan đến bầu cử ở một số quốc gia gây thêm suy thoái cho khu vực.

Tăng trưởng ở *châu Âu và Trung Á (ECA)* dự kiến sẽ ở mức vừa phải, 2,4% trong năm 2024 và sau đó ổn định ở mức 2,7% năm 2025, nhờ nhu cầu trong nước tăng lên và sự phục hồi dần dần ở khu vực đồng euro. Trong ngắn hạn, lạm phát cao kéo dài sẽ cản trở việc nới lỏng nhanh chóng chính sách tiền tệ ở hầu hết các nền kinh tế và đè nặng lên tiêu dùng cá nhân. Rủi ro tiếp tục chiếm ưu thế, sự leo thang xung đột ở Trung Đông có thể làm tăng giá năng lượng, thắt chặt các điều kiện tài chính và ảnh hưởng tiêu cực đến niềm tin. Những rủi ro địa chính trị trong khu vực, bao gồm cả sự leo thang của cuộc xung đột Nga - Ukrain, đang gia tăng. Lạm phát cao hơn dự đoán hoặc sự phục hồi yếu hơn dự kiến ở khu vực đồng euro cũng sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh tế trong khu vực.

Tăng trưởng ở *Châu Mỹ Latinh và Caribe* được dự báo sẽ tăng từ 2,2% năm 2023 lên 2,3% năm 2024 và sau đó lên 2,5% vào năm 2025. Lực cản đối với hoạt động kinh tế do việc thắt chặt chính sách tiền tệ trước đó dự kiến sẽ giảm trong suốt năm 2024. Dự kiến việc nới lỏng lãi suất chính sách hơn nữa trong bối cảnh lạm phát vừa phải sẽ thúc đẩy tăng trưởng năm 2025. Mặc dù giá hàng hóa giảm vào năm ngoái nhưng chúng vẫn ở mức hỗ trợ hoạt động kinh tế. Triển vọng được cải thiện giữa các đối tác thương mại lớn cũng sẽ góp phần vào tăng trưởng. Hầu hết các nền kinh tế lớn trong khu vực dự kiến sẽ tăng trưởng với tốc độ tiềm năng. Rủi ro đối với dự báo gồm xung đột ở Trung Đông có thể dẫn đến giá năng lượng cao hơn, điều này có thể làm thay đổi lộ trình chính sách tiền tệ dự kiến. Ngoài ra, các điều kiện tài chính toàn cầu thắt chặt hơn có thể ảnh hưởng đến nhu cầu tư nhân và đẩy nhanh quá trình củng cố tài chính trong khu vực. Các hiện tượng thời tiết El Niño cực đoan liên quan đến biến đổi khí hậu gây ra một nguy cơ bất lợi khác.

Tại khu vực *Trung Đông và Bắc Phi (MNA)*, cuộc xung đột đang diễn ra ở Trung Đông đã làm gia tăng sự bất ổn và rủi ro địa chính trị ở khu vực này. Giả sử xung đột không leo thang, tăng trưởng trong khu vực được dự báo sẽ đạt 3,5% năm 2024 và 2025, do các nền kinh tế xuất khẩu dầu được hưởng lợi từ việc dỡ bỏ cắt giảm sản lượng dầu. Ngược lại, triển vọng của các nền kinh tế nhập khẩu dầu đã xấu đi do các điều kiện trong nước không thuận lợi như lạm phát cao kéo dài. Rủi ro đối với triển

vọng kinh tế là khả năng xung đột leo thang. Những rủi ro tiêu cực khác bao gồm các cú sốc thời tiết liên quan đến biến đổi khí hậu và tác động lan tỏa bất lợi từ việc thắt chặt chính sách tiền tệ hơn nữa ở các nền kinh tế tiên tiến và điều kiện tài chính thắt chặt hơn.

Tăng trưởng ở *Châu Phi cận Sahara (SSA)* được dự đoán sẽ phục hồi lên 3,8% năm 2024 và 4,1% vào năm 2025 khi áp lực lạm phát giảm dần và các điều kiện tài chính dễ dàng hơn. Tuy nhiên, chi phí sinh hoạt tăng cao tiếp tục hạn chế tăng trưởng tiêu dùng và tình trạng bất ổn chính trị gia tăng ở nhiều nơi trong khu vực. Gánh nặng nợ và lãi suất cao đã thu hẹp không gian tài chính và tăng nhu cầu tài chính. Bất chấp sự tăng trưởng dự kiến sẽ tăng lên, mức tăng thu nhập bình quân đầu người vẫn chưa đủ để giúp các nền kinh tế trong khu vực đạt được tiến bộ đáng kể trong việc giảm nghèo cùng cực. Rủi ro đối với dự báo tăng trưởng cơ bản vẫn bao gồm sự gia tăng hơn nữa tình trạng bất ổn toàn cầu hoặc khu vực, chẳng hạn như khả năng leo thang xung đột ở Trung Đông, có thể đẩy giá năng lượng và lương thực toàn cầu tăng cao; suy thoái kinh tế toàn cầu mạnh hơn dự kiến; tăng tần suất và cường độ của các hiện tượng thời tiết bất lợi; và tình trạng vỡ nợ gia tăng nếu nỗ lực giảm gánh nặng nợ công gia tăng không thành công. Việc hiện thực hóa những rủi ro này cũng sẽ làm trầm trọng thêm tình trạng nghèo đói và hạn chế khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu của nhiều quốc gia.

Theo WB, tăng trưởng ở khu vực *Đông Á và Thái Bình Dương (EAP)* được dự đoán sẽ giảm xuống còn 4,5% năm 2024 và 4,4% năm 2025, từ mức ước tính 5,1% năm 2023, chủ yếu là do tăng trưởng kinh tế ở Trung Quốc giảm tốc. Trong bối cảnh khu vực bất động sản suy yếu kéo dài, tăng trưởng ở Trung Quốc dự kiến sẽ giảm từ 5,2% năm 2023 xuống 4,5% năm 2024 và 4,3% năm 2025. Ở các nền kinh tế còn lại của khu vực, tăng trưởng dự kiến sẽ tăng từ mức ước tính 4,4% năm 2023 lên 4,7% năm 2024 và 2025, được củng cố bởi nhu cầu nội địa vững chắc. Rủi ro đối với triển vọng tăng trưởng khu vực này gồm suy thoái nghiêm trọng hơn ở Trung Quốc và căng thẳng địa chính trị gia tăng, bao gồm cả những căng thẳng từ xung đột ở Trung Đông, có thể thúc đẩy giá năng lượng và lương thực cao hơn và lạm phát. Nhu cầu và thương mại toàn cầu yếu hơn dự kiến, cũng như các hiện tượng thời tiết cực đoan liên quan đến biến đổi khí hậu, gây ra thêm rủi ro suy thoái cho khu vực này.

Ở những nơi khác trong khu vực, nhu cầu nội địa vững chắc, đặc biệt là tiêu dùng tư nhân, được dự đoán sẽ là động lực tăng trưởng chính. Lạm phát ở mức vừa phải, và trong nhiều trường hợp, thị trường lao động mạnh mẽ được hỗ trợ bởi hoạt động dịch vụ sôi nổi, được dự đoán sẽ duy trì chi tiêu hộ gia đình. Ở một số nền kinh tế, chi tiêu chính phủ tăng lên, bao gồm cả bảo trợ xã hội và tiền lương trong khu vực

công, cũng sẽ hỗ trợ cầu. Tăng trưởng đầu tư được dự báo sẽ yếu hơn, thấp hơn mức trung bình trước đại dịch ở hầu hết các nền kinh tế khu vực này cho đến năm 2024 và 2025. Điều này phản ánh nhiều trở ngại khác nhau mà đầu tư tư nhân phải đối mặt, bao gồm cả tác động trễ của việc thắt chặt chính sách tiền tệ, sự không chắc chắn về chính sách ở một số quốc gia. Nợ công tăng cao và không gian tài khóa giảm được cho là sẽ hạn chế tăng trưởng đầu tư công.

Tăng trưởng thương mại khu vực này được dự báo sẽ tăng nhẹ trong thời gian tới nhờ sự phục hồi của thương mại toàn cầu. Tăng trưởng xuất khẩu dự kiến sẽ tiếp tục chậm, không đạt được mức tăng trưởng sản lượng cũng như tốc độ trước đại dịch. Với tỷ trọng đầu vào trung gian cao trong thương mại của khu vực, đặc biệt liên quan đến hàng hóa sản xuất, xuất khẩu hàng hóa yếu được dự đoán cũng sẽ gây áp lực lên nhập khẩu. Điều này sẽ được kết hợp bởi nhu cầu nội địa yếu ở Trung Quốc, nơi sự yếu kém liên tục của lĩnh vực bất động sản được dự đoán sẽ ảnh hưởng đến nhu cầu hàng hóa toàn cầu, với những tác động bất lợi đến các nhà xuất khẩu hàng hóa trong khu vực. Ngược lại, du lịch quốc tế trong khu vực năm 2024 dự kiến sẽ phục hồi phần lớn sau đại dịch, và nhờ sự phục hồi liên tục của du lịch nước ngoài từ Trung Quốc. Điều này sẽ hỗ trợ xuất khẩu dịch vụ, đặc biệt là ở các nền kinh tế phụ thuộc vào du lịch như Campuchia và Thái Lan.

Lạm phát giá tiêu dùng dự kiến sẽ giảm nhẹ ở hầu hết các nước EAP năm 2024, được hỗ trợ bởi giá hàng hóa toàn cầu ở mức vừa phải, nguồn cung thực phẩm được cải thiện và kỳ vọng lạm phát ổn định. Tuy nhiên, ở một số nền kinh tế, bao gồm Lào, Mông Cổ và một số quốc đảo Thái Bình Dương, lạm phát dự kiến sẽ vẫn ở mức cao, phản ánh nhiều yếu tố đặc thù của từng quốc gia. Chúng bao gồm sự suy yếu của tỷ giá hối đoái và giá nhập khẩu cao hơn cũng như tăng trưởng mạnh mẽ. Tại Trung Quốc, sau khi giá lương thực giảm tạm thời, lạm phát được dự đoán sẽ tăng nhẹ nhưng vẫn ở mức thấp trong bối cảnh nhu cầu yếu.

Tác động trễ của việc thắt chặt chính sách tiền tệ kể từ năm 2022 ở nhiều nước trong khu vực sẽ tiếp tục đè nặng lên hoạt động kinh tế trong thời gian tới. Mặc dù lạm phát giảm xuống dưới mục tiêu ở nhiều nền kinh tế, nhưng lãi suất dự kiến sẽ không thay đổi năm 2024 do chính sách tiền tệ thắt chặt ở các nền kinh tế tiên tiến lớn. Với dự kiến lãi suất danh nghĩa ít thay đổi, lạm phát giảm sẽ làm tăng lãi suất thực năm 2024, làm giảm nhu cầu.

Tại khu vực *Đông Nam Á*, trong báo cáo Triển vọng phát triển châu Á tháng 12/2023, ADB điều chỉnh tăng trưởng của năm 2023 giảm 0,3 điểm phần trăm so với dự báo trong tháng 9/2023, đạt mức 4,3%. Điều chỉnh này phản ánh hiệu quả hoạt

động vẫn còn yếu trong lĩnh vực chế biến, chế tạo khi môi trường thương mại đã cởi mở hơn tại các nền kinh tế dựa vào xuất khẩu như Malaixia, Thái Lan và Việt Nam. Tăng trưởng của Ấn Độ và Philippin được duy trì khi có mức tăng trưởng mạnh mẽ trong 9 tháng đầu năm 2023. Lạm phát nhìn chung đã chậm lại ở Đông Nam Á do nhu cầu toàn cầu yếu hơn, giá dầu và hàng hóa giảm, mặc dù lãi suất vẫn tăng ở một số nước. Ước tính lạm phát trong khu vực duy trì ở mức 4,2% trong năm 2023 và giảm xuống ở mức 3,5% trong năm 2024.

1.2.5. Dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam

Các dự báo của nhiều tổ chức quốc tế uy tín đều cho thấy tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2024 tốt hơn năm 2023, sẽ đạt từ 5,5 đến 6% tùy theo từng tổ chức.

Dự báo của WB

Trong Báo cáo mới nhất, WB ước tính kinh tế Việt Nam tăng trưởng 4,7% trong năm 2023, dự báo phục hồi ở mức 5,5% trong năm 2024 và 6,0% trong năm 2025. WB đưa ra con số dự báo tăng trưởng kinh tế Việt Nam không quá cao nhưng đây vẫn là mức tăng trưởng tích cực so với nhiều nền kinh tế khác, xét trong bối cảnh âm ảm toàn cầu. Theo WB, suy thoái toàn cầu là cú sốc lớn đối với nền kinh tế mở của Việt Nam. Tuy nhiên, nền kinh tế vẫn duy trì được tốc độ tăng trưởng mà nhiều quốc gia trên thế giới mơ ước.

Giai đoạn cuối năm 2023, kinh tế Việt Nam phát đi tín hiệu phục hồi rõ rệt. Sự phục hồi này được thúc đẩy bởi ba yếu tố chính. Thứ nhất, nhu cầu bên ngoài đối với hàng xuất khẩu của Việt Nam dần phục hồi. Thứ hai, các cơ quan chức năng đã cho thấy rõ vai trò quan trọng của việc thúc đẩy giải ngân đầu tư công, với con số tăng đáng kể so với năm 2022. Thứ ba, bất chấp cú sốc mạnh giáng xuống nền kinh tế, tiêu dùng tư nhân vẫn phục hồi tốt.

Việt Nam cũng thu hút nhiều sự chú ý quốc tế trong năm 2023. Báo chí truyền thông toàn cầu đã đăng tải nhiều bài viết nhấn mạnh thành tích và tiềm năng của Việt Nam. Chuyến thăm của các nguyên thủ thế giới tới Việt Nam cũng thu hút sự chú ý của cộng đồng quốc tế. Việt Nam được đánh giá là điểm đến hấp dẫn đối với các nhà đầu tư quốc tế nhờ sự ổn định về kinh tế, chính trị và khả năng hội nhập kinh tế toàn cầu.

Theo WB, trong bối cảnh như vậy, điều quan trọng là Việt Nam tiếp tục củng cố môi trường kinh doanh, thu hút sự quan tâm của các nhà đầu tư tư nhân để tận dụng tối đa tác động của những diễn biến địa chính trị toàn cầu đối với đầu tư và thương mại quốc tế. Rủi ro chính cho năm 2024 đối với thế giới và cả Việt Nam bao gồm rủi

ro địa chính trị, tác động của các cuộc xung đột đối với giá năng lượng, căng thẳng tài chính liên quan đến sự gia tăng lãi suất dài hạn, và hoạt động kinh tế yếu hơn dự kiến ở Trung Quốc. WB kỳ vọng nhu cầu xuất khẩu đối với hàng Việt Nam từ phần còn lại của thế giới sẽ phục hồi vào năm 2024, nhưng sự phục hồi sẽ không diễn ra mạnh mẽ như trước. Tình hình đầy thách thức này có thể kéo dài trong một thời gian tới.

Trong bối cảnh đó, chuyên gia của WB khuyến nghị Việt Nam nâng cao sức chống chọi trước các cú sốc bên ngoài và tận dụng sức mạnh nội tại cũng như năng suất trong nước để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Bằng cách này, Việt Nam có thể biến những thách thức do suy thoái kinh tế toàn cầu tạo ra thành cơ hội để củng cố hơn nữa mô hình tăng trưởng kinh tế của đất nước. Việt Nam có thể hỗ trợ tăng trưởng kinh tế thông qua chính sách tài khóa, bằng cách đẩy nhanh việc thực hiện các dự án cơ sở hạ tầng và dự án đầu tư công mang tính chuyển đổi trạng thái, nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong ngắn hạn và dài hạn. Ngoài ra, WB cho rằng người dân Việt Nam là nguồn nội lực lớn nhất của đất nước. Do đó, Việt Nam cần tiếp tục thúc đẩy phát triển khu vực tư nhân và cải thiện năng suất bằng cách nâng cao trình độ của lực lượng lao động để có thể tăng cường hơn nữa khả năng cạnh tranh của khu vực tư nhân.

Dự báo của IMF

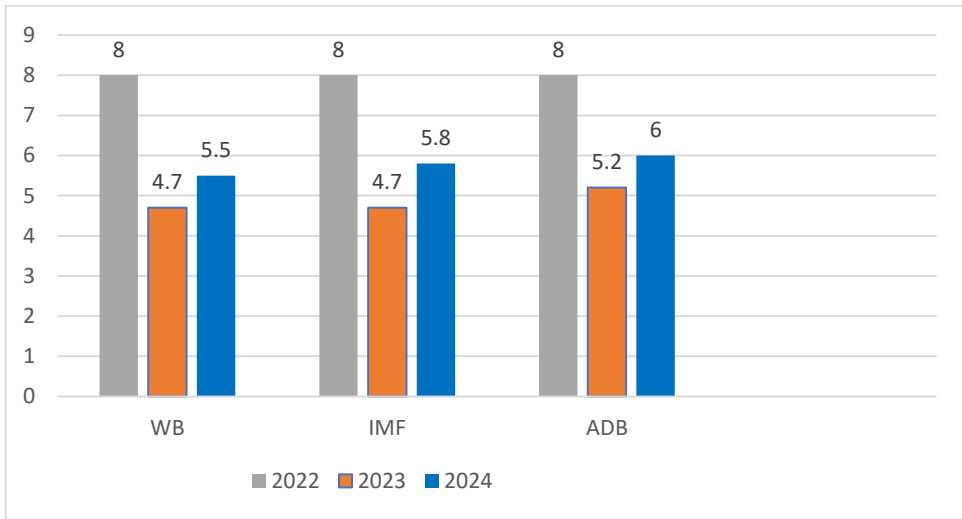
IMF nhận định tăng trưởng của Việt Nam năm 2023 bị chững lại do tác động mạnh của các cơn gió ngược tới nền kinh tế vào cuối năm 2022 và trong nửa đầu năm 2023. Căng thẳng tài chính tại các doanh nghiệp bất động sản xuất hiện vì các điều kiện cho vay thắt chặt hơn, những rào cản pháp lý và doanh số bán hàng chậm lại, trong khi thị trường trái phiếu doanh nghiệp đóng băng. Nền kinh tế tiếp tục bị tác động do nhu cầu bên ngoài sụt giảm kể từ cuối năm 2022, với xuất khẩu giảm trong nửa đầu năm 2023. Dự kiến tăng trưởng năm 2023 và 2024 của Việt Nam lần lượt đạt 4,7% và 5,8%. Dự kiến lạm phát vẫn được kiểm soát, dự báo năm 2024 đạt 3,4%, dưới mức mục tiêu 4,5% và Việt Nam có thể quay trở lại mức tăng trưởng cao về trung hạn, với hỗ trợ của cải cách cơ cấu.

Dự báo của ADB

Theo ADB, trong số các nước ASEAN, Việt Nam được ước tính có tỷ lệ tăng trưởng kinh tế đạt 5,2% năm 2023, đứng thứ 2 khu vực, chỉ sau Philippin (5,7%); Trong năm 2024, ADB dự báo tỷ lệ này của Việt Nam sẽ đạt 6% và cũng đứng thứ 2 khu vực sau Philippin (6,2%), so với Singapo và Thái Lan được dự báo có mức tăng trưởng thấp nhất, lần lượt 2,5% và 3,3% năm 2024. Theo ADB, kinh tế Việt Nam

tăng trưởng chậm hơn dự kiến trong 9 tháng đầu năm 2023. Tăng trưởng yếu hơn phản ánh tác động của nhu cầu bên ngoài giảm; thực hiện ngân sách kém, đặc biệt ở cấp tỉnh; và sự phục hồi chậm chạp về việc làm và tiêu dùng trong nước. Về phía cung, tăng trưởng kinh tế đang bị cản trở do sản lượng công nghiệp và dịch vụ thấp hơn.

ADB ước tính tỷ lệ lạm phát của Việt Nam là 3.8% năm 2023 (so với 5% trung bình của thế giới và so với 3,5% ở các nền kinh tế đang phát triển ở châu Á) và có thể lên 4.0% năm 2024 (so với mức trung bình 3,5% ở khu vực ASEAN). Việt Nam dự kiến có tăng trưởng kinh tế tích cực trong năm 2024, nhưng cũng có sự tăng nhẹ tỷ lệ lạm phát.



Hình 1.2. Ước tính và dự báo tỷ lệ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam năm 2023 và 2024 của một số tổ chức quốc tế (tỷ lệ tăng trưởng %)

1.2.6. Khuyến nghị chính sách

Khuyến nghị của OECD

Theo OECD, cần phải hỗ trợ tăng trưởng dài hạn trong bối cảnh thương mại toàn cầu đang yếu kém. Thương mại hàng hóa và dịch vụ toàn cầu chỉ tăng 0,1% nửa đầu năm 2023 so với cùng kỳ năm ngoái. Lĩnh vực này đã bị ảnh hưởng bởi các hạn chế thương mại ngày càng gia tăng, các chính sách bảo hộ và tái cơ cấu chuỗi giá trị toàn cầu. Triển vọng không chắc chắn của thương mại toàn cầu là mối lo ngại chính vì tầm quan trọng của nó đối với năng suất và sự phát triển. Do vậy, OECD kêu gọi hợp tác đa phương để vực dậy thương mại toàn cầu. Để bảo đảm cho triển vọng này, OECD đề nghị duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt hiện tại cho đến khi có những dấu hiệu rõ

ràng rằng lạm phát được kiểm soát, nhường chỗ cho một số đợt tăng lãi suất bổ sung nếu cần. OECD cũng khuyến nghị chính sách tài khóa thận trọng, lưu ý rằng các chính phủ phải đối mặt với chi phí gia tăng để tái cấp vốn cho các khoản nợ ngày càng tăng trong khi phải cân nhắc chi tiêu bổ sung cho dân số già, biến đổi khí hậu và quốc phòng. Một số nền kinh tế mạnh nhất ở khu vực đồng tiền chung châu Âu đã chứng kiến chi phí đi vay chính phủ của họ tăng vọt trong năm qua, lãi suất trái phiếu kỳ hạn 10 năm của Đức đang tăng hơn mức 3% trong khi Italy gần đây đã vượt mức 4,5%. Để tránh những cú sốc trong tương lai, theo OECD, các kế hoạch chi tiêu và thuế rõ ràng là rất quan trọng, đồng thời tăng cường đầu tư, đặc biệt là cần thúc đẩy tiến bộ nhanh hơn trong quá trình khử cacbon. Để bảo đảm tăng trưởng mạnh mẽ hơn, OECD khuyến nghị cần tăng cường cạnh tranh, đầu tư, và nâng cao kỹ năng, cũng như thúc đẩy hợp tác đa phương để đối mặt với các thách thức chung, như làm mới dòng chảy thương mại toàn cầu và thực hiện các biện pháp đối với biến đổi khí hậu.

Khuyến nghị của WB

Triển vọng tăng trưởng toàn cầu yếu và nhiều rủi ro suy thoái khác nhau nêu bật những thách thức mà các nhà hoạch định chính sách trên toàn thế giới phải đối mặt. Ở cấp độ toàn cầu, WB kêu gọi cần có thêm cải thiện trong việc giảm nợ, đặc biệt đối với các nước nghèo nhất, để giải phóng các nguồn lực cho đầu tư thúc đẩy tăng trưởng vào vốn nhân lực và vật chất. Mặt khác, chi phí trả nợ ngày càng tăng và tiến độ cơ cấu lại nợ chậm có thể làm trầm trọng thêm những khó khăn mà nhiều nước EMDE phải đối mặt. Hiện tại, khoảng một nửa số nước thu nhập thấp (LIC) và nhiều quốc gia có thu nhập trung bình đang ở trong hoặc có nguy cơ cao về nợ nần. WB khuyến nghị cần tăng cường hợp tác quốc tế để giải quyết mối đe dọa hiện hữu của biến đổi khí hậu, bao gồm bằng cách đẩy nhanh quá trình chuyển đổi năng lượng sạch, giúp các quốc gia cải thiện an ninh năng lượng và khả năng chi trả, đồng thời khuyến khích các khoản đầu tư cần thiết để theo đuổi con đường hướng tới tăng trưởng carbon thấp và bền vững.

Ngoài ra, WB lưu ý cộng đồng toàn cầu cần đề phòng sự phân mảnh của mạng lưới thương mại và đầu tư, bao gồm cả việc ưu tiên hệ thống thương mại quốc tế dựa trên luật lệ và mở rộng các hiệp định thương mại. Hơn nữa, hợp tác toàn cầu là rất quan trọng để giải quyết các vấn đề cấp bách về tình trạng mất an ninh lương thực và xung đột ngày càng gia tăng.

Các nhà hoạch định chính sách ở cấp quốc gia cũng phải đối mặt với những thách

thức to lớn, đòi hỏi phải điều chỉnh cẩn thận các ưu tiên cạnh tranh. Với lạm phát được dự báo sẽ tiếp tục ở mức vừa phải, lãi suất sẽ giảm ở nhiều EMDE trong năm 2024 và 2025. Tuy nhiên, việc nới lỏng chính sách tiền tệ ở EMDE có thể bị hạn chế do thu hẹp chênh lệch lãi suất so với các nền kinh tế tiên tiến, điều này có thể làm tăng nguy cơ dòng vốn chảy ra ngoài và sự mất giá của tiền tệ. Sự gia tăng mới trong lợi suất của các nền kinh tế tiên tiến - ví dụ, do lạm phát tăng bất ngờ hoặc phí bảo hiểm kỳ hạn tăng - cũng có thể gây ra sự gián đoạn trên thị trường tài chính EMDE. Do đó, WB đề nghị các chính phủ cần phải chú ý cẩn thận đến các rủi ro để bảo đảm rằng chính sách tiền tệ hỗ trợ tăng trưởng bền vững, đồng thời giúp giảm lạm phát một cách lâu dài và duy trì sự ổn định tài chính, đặc biệt là ở các EMDE có thâm hụt tài chính và tài khoản vãng lai lớn.

Không gian chính sách tài khóa ở EMDE vẫn còn hẹp trong bối cảnh doanh thu yếu và chi phí trả nợ tăng. Các cuộc khủng hoảng trong những năm gần đây - đặc biệt là đại dịch và chi phí sinh hoạt tăng mạnh một phần do các cuộc xung đột - đã khiến các chính phủ phải gánh chịu nợ công và chuyển ưu tiên chi tiêu khỏi đầu tư sang hỗ trợ ngắn hạn cho các hộ gia đình và doanh nghiệp. Nợ tăng cao, kết hợp với điều kiện tài chính thắt chặt và tăng trưởng yếu, đang gây thêm áp lực lên tính bền vững tài chính dài hạn, đồng thời làm tăng tính dễ bị tổn thương trước các cú sốc tài chính bên ngoài. Do vậy, theo WB, chính phủ các nước EMDE, bao gồm cả LIC, cần tăng quy mô huy động nguồn thu và hiệu quả chi tiêu cũng như tăng cường quản lý nợ. Các biện pháp tăng cường thể chế chính phủ ở phạm vi rộng hơn có thể hỗ trợ những nỗ lực này.

Các nước EMDE xuất khẩu hàng hóa phải đối mặt với những thách thức tài chính đặc biệt do biến động giá cả hàng hóa. Do vậy, WB kêu gọi các chính phủ cần có một khuôn khổ tài chính bền vững, được thiết kế tốt, theo định hướng ổn định, kết hợp với các thể chế mạnh, có thể giúp chính phủ xây dựng các vùng đệm trong thời kỳ bùng nổ giá hàng hóa.

Theo WB, để đảo ngược tình trạng suy yếu đang diễn ra của tăng trưởng tiềm năng và các động lực cơ bản của nó, bao gồm tăng trưởng đầu tư và năng suất, đòi hỏi những cải cách cơ cấu mang tính quyết định, trong đó có các biện pháp thúc đẩy tự do hóa thương mại và tài chính, phát triển nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng, thu hẹp khoảng cách giới, tăng cường sự tham gia của lực lượng lao động và thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Những cải cách như vậy cùng với các chính sách bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô có thể tạo thành các gói chính sách có lợi toàn diện. Việc thực hiện các gói chính sách này, với trình tự hợp lý, có thể giúp thúc đẩy tăng tốc đầu tư bền vững, và từ đó thúc đẩy tăng trưởng mang tính chuyển đổi.

II. DỰ BÁO XU HƯỚNG CÔNG NGHỆ NĂM 2024

Một số tổ chức quốc tế, tạp chí, trang tin công nghệ, công ty phân tích thị trường, tư vấn đầu tư có uy tín trên thế giới như Forbes, Gartner, Deloitte, GlobalData, ... đã đưa ra dự báo các xu hướng công nghệ hàng đầu năm 2024. Đây cũng là các xu hướng công nghệ đang được đầu tư mạnh. Trong bối cảnh cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra, năm 2024 hứa hẹn sẽ là một năm đầy sôi động với những xu hướng công nghệ đột phá đang tiếp tục góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. AI tạo sinh; các công nghệ phục vụ quản lý và sản xuất của doanh nghiệp nghiệp; công nghệ bền vững; công nghệ 5G, thực tế ảo và thực tế tăng cường (VR/AR), điện toán lượng tử, Internet vạn vật (IoT),... được dự báo sẽ tiếp tục là những điểm nhấn nổi bật, định hình bức tranh công nghệ thế giới năm 2024.

2.1. AI tạo sinh

Không có gì ngạc nhiên khi AI tạo sinh (generative AI) được nhắc đến rất nhiều và nó luôn nằm trong danh sách các xu hướng công nghệ hàng đầu và chắc chắn năm 2024 cũng sẽ rất được chú ý. Theo Gartner, năm 2024 tiếp tục sẽ là một năm phát triển mạnh mẽ của AI. Gartner cho rằng, AI sẽ tạo ra 10% tổng số dữ liệu của thế giới vào năm 2025. Theo Goldman Sachs, AI tạo sinh có thể thúc đẩy sự gia tăng 7% (hoặc gần 7 nghìn tỷ USD) trong tổng sản phẩm quốc nội (GDP) toàn cầu. Họ cũng dự đoán AI tạo sinh có thể nâng mức tăng trưởng năng suất lên 1,5 điểm phần trăm trong 10 năm. Gartner dự đoán rằng đến năm 2026, hơn 80% các tổ chức sẽ sử dụng các mô hình API (application programming interface - giao diện lập trình ứng dụng), AI tạo sinh và các ứng dụng hỗ trợ AI tạo sinh trong môi trường sản xuất. Việc sử dụng các mô hình trên đã tăng khoảng 5% vào đầu năm 2023.

Theo Gartner, lý do cho sự tăng trưởng trong việc áp dụng các xu hướng công nghệ này là nhờ các ứng dụng AI tạo sinh, người dùng có quyền truy cập vào khối lượng thông tin khổng lồ; Việc áp dụng AI tạo sinh sẽ dân chủ hóa đáng kể kiến thức và kỹ năng cho người dùng; Mô hình ngôn ngữ lớn (large language model - LLM) cho phép các doanh nghiệp kết nối người lao động có kiến thức chuyên môn theo phong cách trò chuyện, đàm thoại gần gũi.

AI tạo sinh đề cập đến các thuật toán được thiết kế để tạo ra hoặc sinh ra kết quả đầu ra. Kết quả này có thể hiển thị dưới nhiều hình thức khác nhau như văn bản, hình ảnh, video, mã nguồn, hoặc dữ liệu. Thậm chí, nó còn có thể áp dụng vào các mô hình 3D dựa trên thông tin mà chúng được huấn luyện. Điều này thường được thực hiện bằng cách sử dụng mô hình máy học có khả năng học từ dữ liệu huấn luyện và sau đó tạo ra dữ liệu mới dựa trên các đặc điểm và mẫu đã học từ dữ liệu đó.

Mục tiêu chính của AI tạo sinh là tạo ra nội dung, điều này phân biệt nó với các loại AI khác. Nó có thể được sử dụng cho nhiều mục đích khác nhau như phân tích dữ liệu hoặc hỗ trợ hoạt động của các phương tiện tự hành. Hay nói cách khác AI tạo sinh là công nghệ liên quan đến việc dạy cho các hệ thống AI tạo ra nội dung mới dựa trên dữ liệu được huấn luyện. AI tạo sinh có thể học từ vựng tiếng Anh và làm thơ từ những từ mà AI này xử lý. Người ta có thể dùng AI tạo sinh cho nhiều mục đích khác nhau, chẳng hạn như chatbot, tạo nội dung truyền thông, phát triển và thiết kế sản phẩm... Dưới đây là một số ví dụ về việc AI tạo sinh có nhiều ứng dụng trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

Hình ảnh và video: Mô hình AI tạo sinh có thể tạo ra hình ảnh mới hoặc mô phỏng video dựa trên dữ liệu đầu vào.

Văn bản, nghệ thuật, ngôn ngữ: AI tạo sinh có thể được sử dụng để tạo ra văn bản mới, từ các đoạn văn ngắn đến bài luận hoặc thậm chí là tác phẩm văn học.

Âm thanh và âm nhạc: Công nghệ này có thể tạo ra âm thanh và bản nhạc mới, thậm chí là tạo ra những bản nhạc độc đáo và sáng tạo.

Mô phỏng và đối thoại: AI tạo sinh có thể được sử dụng để tạo ra các mô hình mô phỏng, nhân vật ảo, hoặc thậm chí là đối thoại tự động.

Thiết kế: Trong lĩnh vực thiết kế, AI tạo sinh có thể hỗ trợ trong việc tạo ra các mô hình, hình ảnh, hoặc ý tưởng sáng tạo.

Tăng tốc nghiên cứu: Các thuật toán AI tạo sinh có thể khám phá và phân tích dữ liệu phức tạp theo những cách mới. Vì vậy, các nhà nghiên cứu có thể khám phá các xu hướng và mô hình mới có thể không rõ ràng nếu thực hiện theo cách khác. Các thuật toán này có thể tóm tắt nội dung, phác thảo nhiều lộ trình giải pháp, động não ý tưởng và tạo tài liệu chi tiết từ các ghi chú nghiên cứu. Đây là lý do tại sao AI tạo sinh giúp tăng cường đáng kể việc nghiên cứu và đổi mới. Ví dụ: các hệ thống AI tạo sinh đang được sử dụng trong ngành dược phẩm để tạo và tối ưu hóa trình tự protein và đẩy nhanh đáng kể việc tìm kiếm thuốc.

Nâng tầm trải nghiệm khách hàng: AI tạo sinh có thể phản ứng tự nhiên với cuộc trò chuyện của con người và đóng vai trò như một công cụ cho dịch vụ khách hàng và cá nhân hóa quy trình làm việc của khách hàng. Ví dụ: người ta có thể sử dụng chatbot do AI cung cấp, bot thoại và trợ lý ảo phản hồi chính xác hơn với khách hàng để giải quyết liên hệ đầu tiên. Các ứng dụng này có thể gia tăng sự tương tác với khách hàng bằng cách trình bày các ưu đãi và giao tiếp được chọn lọc theo cách cá nhân hóa.

Tối ưu hóa quy trình kinh doanh: Với AI tạo sinh, doanh nghiệp có thể tối ưu hóa

các quy trình kinh doanh bằng cách sử dụng máy học và các ứng dụng AI trên tất cả các lĩnh vực kinh doanh. Họ có thể áp dụng công nghệ này trên tất cả các lĩnh vực kinh doanh bao gồm kỹ thuật, tiếp thị, dịch vụ khách hàng, tài chính và bán hàng. Ví dụ, những gì AI tạo sinh có thể làm để tối ưu hóa: Trích xuất và tóm tắt dữ liệu từ bất kỳ nguồn nào cho các chức năng tìm kiếm kiến thức; Đánh giá và tối ưu hóa các kịch bản khác nhau để giảm chi phí trong các lĩnh vực như tiếp thị, quảng cáo, tài chính và kho vận; Tạo dữ liệu tổng hợp để tạo dữ liệu được dán nhãn cho việc học có giám sát và các quy trình máy học khác

Nâng cao năng suất của nhân viên: Các mô hình AI tạo sinh có thể tăng cường quy trình làm việc của nhân viên và đóng vai trò là trợ lý hiệu quả cho tất cả mọi người trong tổ chức của bạn. Mô hình có thể làm mọi thứ từ tìm kiếm đến sáng tạo theo cách giống con người. AI tạo sinh có thể giúp nâng cao năng suất cho các loại lao động khác nhau: Hỗ trợ các nhiệm vụ sáng tạo bằng cách tạo ra nhiều nguyên mẫu dựa trên đầu vào và hạn chế nhất định; Công nghệ này cũng có thể tối ưu hóa các thiết kế hiện có dựa trên phản hồi của con người và các ràng buộc cụ thể; Tạo đề xuất mã phần mềm mới cho các tác vụ phát triển ứng dụng; Hỗ trợ quản lý bằng cách tạo báo cáo, tóm tắt và dự báo; Tạo tập lệnh bán hàng mới, nội dung email và blog cho các nhóm tiếp thị...

Trong khi AI tạo sinh có thể ảnh hưởng đến tất cả các ngành công nghiệp theo thời gian, một số ngành công nghiệp sẽ nhanh chóng hưởng lợi từ công nghệ này:

Dịch vụ tài chính: Các công ty dịch vụ tài chính có thể khai thác sức mạnh của AI tạo sinh để phục vụ khách hàng tốt hơn, đồng thời giảm được chi phí. Các tổ chức tài chính có thể sử dụng chatbot để tạo đề xuất sản phẩm và trả lời các yêu cầu của khách hàng, giúp cải thiện dịch vụ khách hàng tổng thể. Các tổ chức cho vay có thể phê duyệt khoản vay nhanh hơn cho các thị trường chưa có nhiều cách tiếp cận các tổ chức tài chính, đặc biệt là ở các quốc gia đang phát triển. Các ngân hàng có thể nhanh chóng phát hiện gian lận trong khiếu nại, thẻ tín dụng và khoản vay. Các công ty đầu tư có thể sử dụng sức mạnh của AI tạo sinh để đưa ra lời khuyên tài chính an toàn, được cá nhân hóa cho khách hàng của họ với chi phí thấp.

Chăm sóc sức khỏe và khoa học đời sống: Một trong những trường hợp sử dụng hứa hẹn nhất của AI tạo sinh là đẩy nhanh việc khám phá và nghiên cứu thuốc. AI tạo sinh sử dụng các mô hình để tạo trình tự protein mới với các đặc tính cụ thể để thiết kế kháng thể, enzyme, vắc-xin và liệu pháp gen. Các công ty chăm sóc sức khỏe và khoa học đời sống có thể sử dụng các mô hình tạo sinh để thiết kế trình tự gen tổng hợp cho các ứng dụng trong sinh học tổng hợp và kỹ thuật trao đổi chất. Ví dụ, họ có

thể tạo ra các đường dẫn truyền sinh tổng hợp mới hoặc tối ưu hóa biểu hiện gen cho mục đích sản xuất sinh học. Cuối cùng, AI tạo sinh có thể được sử dụng để tạo dữ liệu tổng hợp về bệnh nhân và chăm sóc sức khỏe. Điều này rất hữu ích để đào tạo các mô hình AI, mô phỏng các thử nghiệm lâm sàng hoặc nghiên cứu các bệnh hiếm gặp mà không cần truy cập vào các tập dữ liệu lớn trong thế giới thực.

Ngành ô tô và sản xuất: Các công ty ô tô có thể sử dụng công nghệ AI tạo sinh cho nhiều mục đích, từ kỹ thuật đến trải nghiệm trong xe và dịch vụ khách hàng. Ví dụ: họ có thể tối ưu hóa thiết kế các bộ phận cơ khí để giảm lực cản trong thiết kế xe hoặc điều chỉnh thiết kế của trợ lý cá nhân. Các công ty ô tô đang sử dụng AI tạo sinh để nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng bằng cách đưa ra các phản hồi nhanh chóng cho các câu hỏi phổ biến nhất của khách hàng. AI tạo sinh có thể phụ trách việc thiết kế vật liệu, chip và bộ phận mới nhằm tối ưu hóa quy trình sản xuất và giảm chi phí.

Truyền thông và giải trí: Từ hoạt ảnh và kịch bản cho đến phim điện ảnh với thời lượng hoàn chỉnh, các mô hình AI tạo sinh có thể sản xuất nội dung mới lạ với chi phí lẫn thời gian chỉ bằng một phần của phương pháp sản xuất truyền thống. Các nghệ sĩ có thể bổ sung và nâng cao album của họ bằng âm nhạc do AI tạo ra để tạo ra những trải nghiệm âm nhạc hoàn toàn mới. Các tổ chức truyền thông có thể sử dụng AI tạo sinh để cải thiện trải nghiệm của đối tượng của họ bằng cách cung cấp nội dung và quảng cáo được cá nhân hóa nhằm tăng doanh thu. Các công ty game có thể sử dụng AI tạo sinh để tạo ra các trò chơi mới và cho phép người chơi xây dựng hình đại diện.

Viễn thông: Các trường hợp sử dụng thời đầu của AI tạo sinh trong ngành viễn thông đều tập trung vào việc đổi mới trải nghiệm khách hàng. Trải nghiệm khách hàng được xác định bởi hàng loạt tương tác tích lũy của bên đăng ký nhận trên tất cả các điểm tiếp xúc trong hành trình của khách hàng. Ví dụ: các tổ chức viễn thông có thể áp dụng AI tạo sinh để cải thiện dịch vụ khách hàng với các tác nhân đàm thoại trực tiếp giống con người. Họ cũng có thể tối ưu hóa hiệu suất mạng bằng cách phân tích dữ liệu mạng để đề xuất các bản sửa lỗi. Và họ có thể đổi mới mối quan hệ khách hàng với các trợ lý bán hàng một đối một được cá nhân hóa.

Năng lượng: AI tạo sinh phù hợp với các tác vụ liên quan đến việc phân tích dữ liệu thô phức tạp, nhận dạng quy luật, dự báo và tối ưu hóa trong ngành năng lượng. Các tổ chức năng lượng có thể cải thiện dịch vụ khách hàng bằng cách phân tích dữ liệu doanh nghiệp để xác định các mô hình sử dụng. Với thông tin này, họ có thể phát triển các dịch vụ sản phẩm được nhắm mục tiêu, các chương trình tiết kiệm năng lượng hoặc các sáng kiến đáp ứng nhu cầu. AI tạo sinh có thể giúp quản lý lưới điện,

nâng cao độ an toàn tại nơi vận hành và tối ưu hóa quá trình sản xuất năng lượng thông qua mô phỏng hồ chứa.

Các ứng dụng AI tạo sinh có thể giúp đổi mới hầu hết các trải nghiệm và ứng dụng của khách hàng, tạo ra các ứng dụng mới chưa từng thấy trước đây và giúp khách hàng đạt được mức năng suất mới. Microsoft, Nvidia, IBM, AMD, Google, Meta, Amazon, Alibaba, Baidu, ServiceNow, Intuit, Adobe và Salesforce là những hãng nổi bật đã đạt được tiến bộ đáng kể trong lĩnh vực này. Các công ty khởi nghiệp như OpenAI, Hugging Face, Anthropic, Cohere, AlphaSense, Gong, Jasper, C3 AI, DeepMind, Databricks, Synthesis AI, Stability AI, Lightricks, Glean và Inflection được đánh giá chiếm ưu thế vượt trội trong nhóm các công ty mới nổi trong lĩnh vực AI.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng trong quá trình phát triển, AI tạo sinh cũng đặt ra những thách thức về đạo đức và an ninh, đặc biệt là khi sử dụng để tạo ra nội dung có thể gây tranh cãi hoặc đánh lừa.

2.2. Các công nghệ cho doanh nghiệp

Quản lý độ tin cậy, rủi ro và bảo mật AI

Quản lý độ tin cậy, rủi ro và bảo mật AI (AI TRISM) là không thể thiếu đối với doanh nghiệp trong bối cảnh sự phát triển mạnh mẽ của AI. Mặc dù mang lại lợi ích và tiềm năng, nhưng AI cũng đi kèm với thách thức và rủi ro. Trong năm 2024, dự báo việc triển khai biện pháp kiểm soát AI TRISM giúp loại bỏ 80% thông tin sai lệch và cải thiện đáng kể mức độ chính xác của các quyết định. Bảo đảm độ tin cậy của hệ thống AI, quản lý rủi ro và bảo mật thông tin là các khía cạnh quan trọng của quản lý AI TRISM. Tối ưu hóa hiệu suất hệ thống AI trong môi trường an toàn là một ưu tiên, đồng thời giải quyết thách thức của sự phổ cập hóa AI. Công cụ quản lý này không chỉ là cần thiết mà còn là chìa khóa để khám phá lợi ích của AI mà không gặp phải những hậu quả không mong muốn.

Phát triển dựa trên tăng cường AI

Phát triển dựa trên tăng cường AI (AI-augmented development) sử dụng công nghệ AI để hỗ trợ kỹ sư phần mềm trong thiết kế và thử nghiệm ứng dụng. Công cụ phát triển AI giúp cải thiện năng suất kinh doanh cho nhà phát triển, tập trung vào sáng tạo và quyết định chiến lược. AI đã trở thành đối tác đắc lực của nhà phát triển, tự động hóa nhiệm vụ lặp lại, giúp tiết kiệm thời gian và tập trung vào khía cạnh sáng tạo. Tăng cường năng suất, quản lý và tối ưu hóa mã nguồn, cùng với tự động hóa kiểm thử, là những ưu điểm quan trọng. Phát triển dựa trên tăng cường AI là công cụ hỗ trợ và yếu tố quyết định thúc đẩy sự sáng tạo và nâng cao năng suất trong ngành

công nghiệp phần mềm. Sự kết hợp giữa AI và khả năng sáng tạo của con người mở ra một tương lai mới, nơi ứng dụng phần mềm được phát triển nhanh chóng và hiệu quả hơn.

Tăng cường kết nối lực lượng lao động

Theo khảo sát của Gartner, tăng cường kết nối lực lượng lao động là ưu tiên hàng đầu của doanh nghiệp. Hỗ trợ cho ưu tiên này, công cụ "Tăng cường kết nối lực lượng lao động" (ACWF) để phân tích lực lượng lao động. ACWF cung cấp thông tin về nguồn nhân lực và hướng dẫn nâng cao phúc lợi, phát triển kỹ năng và trải nghiệm tổng thể cho lực lượng lao động. Đến năm 2027, Gartner dự đoán ¼ giám đốc công nghệ thông tin (CIO) sẽ sử dụng ACWF để giảm 50% thời gian đào tạo và nâng cao năng lực cho các vị trí nhân sự quan trọng. ACWF là chiến lược quan trọng trong bối cảnh thời đại số, tập trung vào việc khai thác tiềm năng con người và tăng tốc phát triển tài năng. Phân tích nhân sự trong ACWF giúp tổ chức hiểu rõ hơn về nguồn nhân lực, tối ưu hóa phân bổ nguồn lực và quản lý tài năng. Chiến lược này còn nhấn mạnh vào trải nghiệm, phúc lợi và phát triển kỹ năng của nhân sự, tạo ra một môi trường tích cực và hỗ trợ sự hiệu suất và sáng tạo. ACWF không chỉ hướng đến nhân viên mà còn là công cụ chiến lược đạt được kết quả kinh doanh tích cực. Mỗi quan hệ tương hỗ giữa sự phát triển và phúc lợi của nhân sự và kết quả doanh nghiệp là điểm mạnh của ACWF. ACWF không chỉ là xu hướng mà còn là chiến lược quan trọng định hình thành công bền vững trong thế giới số hóa.

Quản lý mối đe dọa liên tục

Công nghệ quản lý mối đe dọa liên tục (CTEM) là một cách tiếp cận có hệ thống nhằm giúp các tổ chức, doanh nghiệp đánh giá liên tục và nhất quán khả năng tiếp cận, mức độ tiếp xúc và khả năng khai thác tài sản, thiết bị vật lý cũng như tài sản, thiết bị số của họ. Thay vì tập trung vào cơ sở hạ tầng, CTEM sắp xếp các đánh giá và nỗ lực khắc phục phù hợp với các mối đe dọa hoặc dự án kinh doanh, phát hiện các lỗ hổng và thậm chí cả các mối đe dọa không thể lường trước được. Gartner dự đoán rằng đến năm 2026, các tổ chức, doanh nghiệp sẽ ưu tiên đầu tư vào bảo mật dựa trên chương trình CTEM.

Trong thế giới kỹ thuật số ngày nay, mối đe dọa bảo mật ngày càng trở nên phức tạp và đa dạng, đòi hỏi sự đổi mới và linh hoạt trong việc bảo vệ thông tin quan trọng của tổ chức và doanh nghiệp. CTEM là một chiến lược tiếp cận mạnh mẽ và có hệ thống để đối mặt với thách thức này. CTEM không chỉ là một biện pháp bảo mật truyền thống tập trung vào việc bảo vệ cơ sở hạ tầng, mà nó đi sâu hơn bằng cách đánh giá liên tục và nhất quán khả năng tiếp xúc với mối đe dọa của tổ chức. Một ưu

điểm nổi bật của CTEM là khả năng phát hiện các lỗ hổng và mối đe dọa không thể lường trước được. Thông qua việc liên tục đánh giá và giám sát, tổ chức có thể phát hiện những điểm yếu mới xuất hiện và xử lý chúng trước khi chúng trở thành vấn đề lớn. Điều này giúp tăng cường khả năng phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro về bảo mật.

Tuy nhiên, để triển khai thành công CTEM, tổ chức cần có sự cam kết toàn diện từ tất cả các bên liên quan. Điều này bao gồm sự hỗ trợ từ lãnh đạo cấp cao, cũng như sự hợp tác chặt chẽ giữa các bộ phận khác nhau của tổ chức, từ bảo mật thông tin đến quản trị rủi ro và quản lý hệ thống.

Kỹ thuật nền tảng

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp 4.0, kỹ thuật nền tảng (Platform Engineering) đang trở thành một yếu tố quyết định trong việc xây dựng và phát triển các hệ thống công nghệ. Mục tiêu chính của kỹ thuật nền tảng không chỉ là việc tạo ra một cơ sở hạ tầng nội bộ tự phục vụ mà còn là việc nâng cao năng suất và trải nghiệm người dùng, đồng thời thúc đẩy quá trình phân phối giá trị kinh doanh.

Kỹ thuật nền tảng không chỉ là bộ kỹ năng của một cá nhân trong một vai trò cụ thể mà là sự nỗ lực của cả một nhóm, tập trung vào việc cung cấp một sản phẩm cụ thể - có thể là nền tảng cho các nhà phát triển. Các doanh nghiệp ngày nay đã nhận ra tầm quan trọng của việc xây dựng các nền tảng hỗ trợ mối quan hệ giữa người dùng và các dịch vụ, hoặc giữa người dùng và các nền tảng cơ bản mà họ tin tưởng sử dụng. Điều này không chỉ giúp tối ưu hóa trải nghiệm người dùng mà còn giảm thiểu xung đột và tăng tính ổn định trong quá trình phát triển.

Một điểm độc đáo của kỹ thuật nền tảng là khả năng tạo và duy trì các nền tảng khác. Các kỹ sư nền tảng không chỉ xây dựng sản phẩm của mình mà còn đóng góp vào việc xây dựng khả năng chung để tạo ra các dịch vụ và sản phẩm được chia sẻ rộng rãi. Điều này giúp người dùng không cần phải xây dựng môi trường làm việc của họ mà vẫn có thể tận hưởng những lợi ích của những nền tảng mạnh mẽ và đầy đủ chức năng.

Trong môi trường ngày càng phức tạp và đòi hỏi sự linh hoạt, kỹ thuật nền tảng không chỉ là công cụ giúp doanh nghiệp duy trì và phát triển mà còn là chìa khóa để mở cánh cửa cho tương lai của phát triển công nghệ, định hình một tương lai kỹ thuật số bền vững và hiệu quả.

Nền tảng đám mây công nghiệp

Nền tảng đám mây công nghiệp (ICP) đang trở thành xu hướng quan trọng theo dự báo của Gartner. ICP không chỉ là nền tảng đám mây mà còn là hệ sinh thái có thể điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu cụ thể của từng doanh nghiệp. Doanh nghiệp đang tìm

kiếm giải pháp đối mặt với nhiều thách thức, từ quản lý dữ liệu lớn đến bảo đảm tính linh hoạt và mở rộng. ICP nổi lên như một giải pháp toàn diện, tối ưu hóa môi trường đám mây cho từng ngành. Sự tùy chỉnh cao của ICP giúp tối ưu hóa hiệu suất, giảm chi phí và tăng tính linh hoạt. Gartner dự đoán rằng đến năm 2027, hơn 70% doanh nghiệp sẽ sử dụng ICP để đẩy nhanh sự đổi mới kinh doanh của họ. ICP kết hợp với công nghệ tiên tiến, thúc đẩy sự chuyển đổi linh hoạt và tích hợp giữa các ngành. Khả năng chuyển giao nhanh chóng các đổi mới kỹ thuật và kinh doanh giữa các ngành khác nhau là một ưu điểm quan trọng. Các đám mây công nghiệp cung cấp các tính năng liên quan đến ngành, giám sát cầu bảo trì riêng biệt. Đánh giá gần đây của Gartner cho thấy sự áp dụng của ICP ngày càng gia tăng. Dự kiến xu hướng này sẽ tăng nhanh, với 70% doanh nghiệp sử dụng ICP để thúc đẩy sự đổi mới kinh doanh. Điều này chứng tỏ ICP không chỉ là một xu hướng công nghệ, mà còn là một chiến lược quan trọng hỗ trợ doanh nghiệp trong thế giới số hóa ngày nay.

2.3. Ứng dụng thông minh

Năm 2024 cũng sẽ nhiều hơn các ứng dụng thông minh. Như tên gọi của nó, một ứng dụng thông minh (Intelligent application) có khả năng thích ứng và hoạt động thông minh. Hay theo Gartner định nghĩa nó là "sự thích nghi đã được học để phản ứng một cách linh hoạt, phù hợp và tự chủ". Các ứng dụng thông minh sử dụng nhiều dịch vụ dựa trên AI (AI-based) khác nhau chẳng hạn như học máy, lưu trữ và dữ liệu được kết nối để tăng cường hoặc tự động hóa công việc tốt hơn và mang lại trải nghiệm thích ứng linh hoạt với từng người dùng.

Ứng dụng thông minh là một phần không thể thiếu trong bức tranh ngày nay của Cách mạng công nghiệp 4.0. Ứng dụng thông minh mang lại sức mạnh của AI để tạo ra trải nghiệm người dùng độc đáo và mạnh mẽ. Một trong những đặc điểm quan trọng của ứng dụng thông minh là khả năng thích ứng. Chúng có khả năng tự động điều chỉnh và thích ứng với môi trường và người dùng cụ thể của nó. Thay vì chỉ đơn thuần thực hiện các nhiệm vụ cố định, chúng sử dụng học máy và dữ liệu để hiểu rõ ngữ cảnh và điều chỉnh hành vi của mình để đáp ứng nhu cầu người sử dụng.

Ứng dụng thông minh thường sử dụng nhiều dịch vụ dựa trên AI. Học máy, một trong những công nghệ chủ chốt của AI, đóng vai trò quan trọng trong việc làm cho ứng dụng trở nên linh hoạt và hiểu biết người dùng theo thời gian. Việc kết hợp dữ liệu được kết nối từ nhiều nguồn giúp ứng dụng thông minh hiểu rõ hơn về người dùng và môi trường, từ đó tối ưu hóa trải nghiệm người dùng.

Một trong những lợi ích lớn của ứng dụng thông minh là khả năng tăng cường hoặc tự động hóa công việc. Chúng có thể thực hiện các nhiệm vụ phức tạp một cách

nhanh chóng và chính xác hơn so với con người, giúp tiết kiệm thời gian và tăng cường hiệu suất làm việc. Điều này mang lại giá trị lớn cho các tổ chức và doanh nghiệp, giúp họ nhanh chóng thích ứng với sự biến đổi của thị trường và nhu cầu người tiêu dùng.

Trải qua sự phát triển của ứng dụng thông minh, người dùng có được trải nghiệm cá nhân hóa và linh hoạt hơn. Tính năng tự động hóa của chúng giúp giảm bớt gánh nặng công việc cho người sử dụng và đồng thời mang lại sự thuận tiện và hiệu quả. Chẳng hạn, ứng dụng thông minh trong lĩnh vực tài chính có thể cung cấp gợi ý đầu tư cá nhân dựa trên dữ liệu tài chính và mục tiêu người dùng cụ thể.

Tuy nhiên, cùng với những lợi ích tiềm năng, ứng dụng thông minh cũng đặt ra những thách thức, bao gồm vấn đề về quyền riêng tư và an ninh thông tin. Việc sử dụng lượng lớn dữ liệu cá nhân để cá nhân hóa trải nghiệm có thể gây lo ngại về an ninh và quản lý thông tin cá nhân.

Trong khi ứng dụng thông minh mang lại những đổi mới đáng kể, sự phát triển tiếp theo cần phải tập trung vào việc giải quyết những thách thức và bảo đảm rằng sức mạnh của AI được sử dụng một cách an toàn và bền vững, đồng thời bảo đảm quyền lợi và quyền riêng tư của người sử dụng.

Với hơn 100 triệu người dùng AI tạo sinh ở Hoa Kỳ dự báo trong năm 2024, thị trường đã chín muồi cho sự phát triển nhanh chóng của các kho ứng dụng AI. Các nền tảng chatbot lớn sẽ bắt đầu có các phiên bản, công cụ và tùy chỉnh giúp nâng cao trải nghiệm AI theo cách riêng. OpenAI đã công bố một cửa hàng GPT cho phép các nhà phát triển xây dựng các chatbot chuyên dụng, hiện Meta và ByteDance cũng làm các phiên bản của riêng họ.

2.4. Xe kết nối như trung tâm truyền thông di động

Theo Gartner, trong tương lai không xa, phương tiện giao thông ở Hoa Kỳ sẽ chuyển đổi mạnh mẽ với sự phổ biến của các loại xe kết nối. Hơn 2/3 người lái xe ở Hoa Kỳ sẽ lái chiếc xe kết nối vào năm 2025. Sự tăng cường kết nối này không chỉ đánh dấu một sự thay đổi trong trải nghiệm lái xe mà còn kích thích một cuộc đua giữa các tập đoàn công nghệ lớn để kiểm soát dữ liệu, thống trị truyền thông và quảng cáo.

Dẫn đầu trong cuộc cách mạng xe kết nối này là CarPlay của Apple, tiếp theo là Android Auto của Google. Các nền tảng này đã trở thành từ ngữ thường dùng khi tích hợp “mượt mà” điện thoại di động vào trải nghiệm lái xe, cung cấp các tính năng như định hướng, phát nhạc và lệnh giọng nói. Tuy nhiên, cuộc chiến mà chúng ta đang chứng kiến không chỉ giới hạn trong các tập đoàn công nghệ lớn này, mà còn kéo

theo sự cạnh tranh giữa các nhà sản xuất ô tô và các nhà cung cấp giải trí, như Fire TV và Harman.

Các chuyên gia dự đoán rằng các hệ thống nhúng sẽ xoay quanh Android Automotive (một biến thể của hệ điều hành Android của Google, được thiết kế riêng để sử dụng trong bảng điều khiển xe), chủ yếu là do tính chất mã nguồn mở của nó. Kiến trúc mở này cho phép tùy chỉnh mạnh mẽ, giúp những nhà sản xuất ô tô tạo ra trải nghiệm trong xe phù hợp với sở thích và nhu cầu cụ thể của người lái. Sự linh hoạt của Android Automotive dự kiến sẽ làm cho nó trở thành lựa chọn ưa thích cho những công ty sản xuất ô tô muốn phát triển sự độc đáo trong thị trường ngày càng cạnh tranh.

Trong cuộc đua này, một khía cạnh quan trọng nổi bật là sự phát triển các hình thức quảng cáo trong các ứng dụng số cho xe hơi. Khi xe kết nối trở thành trung tâm truyền thông di động, cơ hội quảng cáo hướng đến người lái xe trở nên hấp dẫn hơn. Trước hết là hình thức “quảng cáo tự nhiên” trên màn hình trong xe, mở ra khả năng quảng cáo được tùy chỉnh dựa trên vị trí hoặc mô hình lái xe thời gian thực. Sự xuất hiện của quảng cáo tự nhiên trên màn hình trong xe thể hiện một sự chuyển đổi trong cách các thương hiệu kết nối với người tiêu dùng khi đang di chuyển. Hãy hình dung về quảng cáo tương tác tích hợp mượt mà vào hệ thống giải trí trong xe, cung cấp nội dung cá nhân hóa, khuyến mãi và dịch vụ dựa trên vị trí hoặc thói quen lái xe. Điều này không chỉ biến đổi trải nghiệm lái xe mà còn mở ra nguồn thu nhập mới cho cả những nhà sản xuất ô tô và người quảng cáo.

Tuy nhiên, khi cuộc chiến giành quyền kiểm soát leo thang, những thách thức và lo ngại liên quan đến quyền riêng tư và an ninh dữ liệu sẽ nổi lên. Xe kết nối tạo ra lượng dữ liệu lớn, từ thông tin vị trí đến sở thích người dùng, đặt ra câu hỏi về ai kiểm soát và hưởng lợi từ nguồn tài nguyên quý giá này. Việc tìm ra sự cân bằng đúng giữa trải nghiệm cá nhân và bảo vệ quyền riêng tư người dùng sẽ quan trọng đối với sự thành công bền vững của xe kết nối như trung tâm truyền thông di động.

Tóm lại, sự nổi lên của xe kết nối như trung tâm truyền thông di động dự báo một kỷ nguyên mới trong ngành công nghiệp ô tô, biến các phương tiện thành không gian tương tác cá nhân. Khi cuộc đua giành ưu thế trong lĩnh vực kết nối diễn ra, những người chiến thắng sẽ không chỉ là những ông lớn công nghệ mà còn là những người có thể tích hợp mượt mà quảng cáo tự nhiên vào trải nghiệm trong xe, tạo ra lợi ích cho cả người lái.

2.5. An ninh mạng và điện toán lượng tử

Công ty nghiên cứu và tư vấn về an ninh mạng Cybersecurity Ventures dự đoán,

tồn thất do tội phạm mạng gây ra sẽ chạm ngưỡng 10,5 nghìn tỷ USD vào năm 2025, cho thấy mức độ nghiêm trọng của vấn đề này đối với các doanh nghiệp trên toàn cầu. Trước các mối đe dọa ngày càng tăng nhanh này, các giải pháp công nghệ được thiết kế để tăng cường khả năng phòng thủ, bảo vệ dữ liệu trước các cuộc tấn công của tội phạm mạng. Các mối đe dọa mạng ngày càng trở nên tinh vi hơn, do đó cuộc cạnh tranh để tìm ra các giải pháp mới, hiệu quả, tận dụng các công nghệ đột phá như AI ngày càng trở nên gay gắt. Hệ thống quản lý tự động các mối đe dọa, bảo mật đám mây, quản lý danh tính, phân tích hành vi, bảo mật chuỗi khối... được dự đoán nằm trong những cải tiến an ninh mạng hàng đầu vào năm 2024.

Công nghệ lượng tử đã có bước tiến mới vào năm ngoái, như Intel chế tạo thành công bộ xử lý lượng tử Tunnel Falls, hay Microsoft thông báo trong quá trình xây dựng siêu máy tính lượng tử đầu tiên. IBM, Google và một số công ty công nghệ Trung Quốc cũng đã tham gia lĩnh vực này từ nhiều năm trước. Một số chuyên gia nhận định rằng, năm 2024 sẽ là năm điện toán lượng tử tạo ra bước nhảy vọt trong các lĩnh vực thiên về tính toán như AI, điện toán đám mây, mật mã, giải trình tự gen, khí tượng học, khoa học vật liệu, các mô hình tài chính và an ninh mạng... Công nghệ mới nổi này sẽ giúp con người giải quyết các vấn đề phức tạp với tốc độ và quy mô mà trước đây chỉ có trong khoa học viễn tưởng. Theo Fortune Business Insights, thị trường điện toán lượng tử được dự đoán sẽ tăng vọt từ 928,8 triệu USD năm 2023 lên 6,5 tỷ USD vào năm 2030. IBM, Microsoft, D-Wave Systems, IonQ, Rigetti, Intel, Honeywell, Alphabet, Alibaba, Nvidia và Baidu là những tập đoàn công nghệ hàng đầu đã đầu tư cho lĩnh vực điện toán lượng tử.

Viện Tiêu chuẩn và công nghệ quốc gia Hoa Kỳ (NIST) dự kiến sẽ công bố các tiêu chuẩn mật mã hậu lượng tử (PQC) cuối cùng trong năm 2024, đánh dấu sự hoàn tất của một dự án toàn cầu kéo dài 8 năm của cộng đồng mật mã. Việc công bố các tiêu chuẩn PQC sẽ là sự khởi đầu của quá trình chuyển đổi an ninh mạng lớn nhất từ trước đến nay trong nỗ lực bảo vệ dữ liệu và cơ sở hạ tầng kỹ thuật số khỏi sự tấn công của máy tính lượng tử.

2.6. Tự động hóa và siêu kết nối

Năm 2024, tự động hóa công nghiệp được dự đoán sẽ tiếp tục phát triển và đổi mới, được thúc đẩy bởi Internet vạn vật (IoT), AI, máy học, công nghệ 5G/6G... Các dữ liệu sẽ được AI phân tích theo thời gian thực để tối ưu hóa hoạt động hậu cần và dự báo chính xác nhu cầu, qua đó giúp giảm thời gian cũng như chi phí. Những đổi mới trong công nghệ quản lý chuỗi cung ứng sẽ đẩy nhanh dòng chảy hàng hóa. Tự động hóa cũng giúp giảm tình trạng hoạt động kém hiệu quả và dư thừa. Gartner dự

báo, năm 2024 các tổ chức sẽ giảm được khoảng 30% chi phí hoạt động bằng cách sử dụng các giải pháp tự động hóa.

Mạng 5G cho phép kết nối nhanh hơn và đáng tin cậy hơn. Đây là thế hệ công nghệ không dây mới nhất, cung cấp tốc độ nhanh hơn, độ trễ thấp hơn. Với khả năng xử lý lượng dữ liệu khổng lồ với tốc độ cao, mạng 5G có tiềm năng cách mạng hóa cách con người sử dụng công nghệ. Một trong những ứng dụng hứa hẹn nhất của mạng 5G là lĩnh vực thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR). Với kết nối tốc độ cao do mạng 5G cung cấp, người dùng có thể trải nghiệm môi trường thực tế ảo và thực tế tăng cường một cách sống động và dễ dàng hơn trước.

Web 3.0 sẽ có thêm sức hút trong năm 2024, mở ra con đường phát triển cho các xu hướng công nghệ mới, đặc biệt là metaverse và các thế giới ảo khác được xây dựng để tạo nên các trò chơi máy tính, các ứng dụng tương tác xã hội và trong cả hoạt động kinh doanh. Web 3.0 sẽ thúc đẩy việc áp dụng nhanh chóng vũ trụ ảo (metaverse) trong các doanh nghiệp khi người dùng tìm kiếm các trải nghiệm trực tuyến được cá nhân hóa. Các thiết bị hỗ trợ VR và AR thế hệ tiên tiến, giá cả phải chăng giúp lĩnh vực này mở rộng, trong khi đó metaverse được dự đoán sẽ định hình lại các tương tác kỹ thuật số.

2.7. Công nghệ sinh học, công nghệ y tế

Dự báo trong năm 2024, công nghệ sinh học sẽ cách mạng hóa việc chăm sóc sức khỏe với y học cá nhân hóa, chỉnh sửa gen tiên tiến, phát hiện và điều trị bệnh hiệu quả hơn. Còn công nghệ y tế sẽ cung cấp các giải pháp theo dõi bệnh nhân từ xa và chăm sóc sức khỏe từ xa, giúp việc chăm sóc sức khỏe trở nên dễ tiếp cận và hiệu quả hơn. Công nghệ sinh học hiện đại được ứng dụng để đem đến các sản phẩm điều trị mang tính đột phá và những công nghệ mới giải quyết được các vấn đề thường nhật. Bên cạnh đó, sản phẩm ứng dụng công nghệ sinh học giảm tác động đến môi trường, chống nạn đói, sử dụng ít năng lượng và sạch hơn. Đồng thời, lĩnh vực công nghệ này cũng giúp quy trình sản xuất công nghiệp trở nên an toàn và hiệu quả hơn rất nhiều.

Trong khi đó, công nghệ y tế hiện nay đã đạt được những bước tiến đáng kể trên toàn thế giới. Các quốc gia áp dụng các giải pháp công nghệ y tế khác nhau để giải quyết các thách thức về sức khỏe cộng đồng. Các lợi ích khác của công nghệ y tế bao gồm trợ giúp người cao tuổi, truy cập hiệu thuốc trực tuyến và các chương trình thể dục kỹ thuật số, theo dõi bệnh tật thông qua máy điều hòa nhịp tim, sử dụng đồng hồ thông minh để theo dõi dữ liệu sức khỏe. Nhiều cải tiến công nghệ y tế bắt đầu xuất hiện để hỗ trợ bệnh nhân bao gồm các tùy chọn cho y tế từ xa, đăng ký bảo hiểm y tế trực tuyến, ... Thị trường công nghệ y tế trên toàn thế giới ước đạt 13,12 tỷ USD năm 2023, với phân khúc lớn nhất là thiết bị y tế chiếm 10,89 tỷ USD.

2.8. Internet vạn vật và công nghệ chuỗi khối sẽ được ứng dụng rộng rãi hơn

Internet vạn vật (IoT) là một mạng lưới các thiết bị và cảm biến được kết nối với

nhau, tất cả đều giao tiếp, thu thập và trao đổi dữ liệu với nhau. Việc kết nối có thể thực hiện qua mạng Wi-Fi, mạng thông tin di động, ... Các thiết bị có thể là điện thoại thông minh, máy pha cà phê, máy giặt, tai nghe và rất nhiều thiết bị khác. IoT sẽ là mạng lưới kết nối khổng lồ để kết nối mọi thứ bao gồm cả con người và sẽ tồn tại các mối quan hệ giữa người và người, người và thiết bị, thiết bị và thiết bị. Một mạng lưới IoT có thể chứa đến 50 đến 100 nghìn tỷ đối tượng được kết nối và mạng lưới này có thể theo dõi sự di chuyển của từng đối tượng.

Tác động của IoT rất đa dạng trên các lĩnh vực như quản lý hạ tầng, y tế và tự động hóa, giao thông... Cụ thể, trong lĩnh vực y tế, thiết bị IoT được sử dụng để cho phép theo dõi sức khỏe từ xa và hệ thống thông báo khẩn cấp. Các thiết bị theo dõi sức khỏe có thể dao động từ huyết áp và nhịp tim với các thiết bị tiên tiến có khả năng giám sát cấy ghép đặc biệt, chẳng hạn như máy điều hòa nhịp tim hoặc máy trợ thính tiên tiến.

Số lượng thiết bị IoT trên toàn thế giới được dự báo sẽ tăng gần gấp 3 lần từ 9,7 tỷ trong năm 2020 lên hơn 29 tỷ thiết bị IoT vào năm 2030. Trường hợp sử dụng quan trọng nhất đối với các thiết bị IoT trong phân khúc người tiêu dùng là điện thoại thông minh, trong đó số lượng thiết bị IoT được dự báo sẽ tăng lên hơn 17 tỷ vào năm 2030. Các trường hợp sử dụng khác với hơn 1 tỷ thiết bị IoT vào năm 2030 là các phương tiện được kết nối (xe tự lái), cơ sở hạ tầng CNTT, theo dõi và giám sát tài sản và lưới điện thông minh. Quy mô thị trường công nghệ IoT toàn cầu đạt 300,3 tỷ USD trong năm 2021 và dự báo tăng lên 650,5 tỷ USD vào năm 2026, với tốc độ tăng trung bình 16,7% trong giai đoạn dự báo 2021 - 2026.

Hệ sinh thái IoT sẽ phát triển theo cấp số nhân, với các thiết bị thông minh trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống hàng ngày. Bảo mật nâng cao, khả năng tương tác và các giao thức được tiêu chuẩn hóa sẽ tạo điều kiện liên lạc liền mạch giữa các thiết bị.

Công nghệ chuỗi khối (blockchain) là một tập hợp kỹ thuật số các giao dịch được theo dõi và ghi lại trong một mạng lưới phi tập trung. Các giao dịch sau khi được gửi lên trên mạng lưới blockchain sẽ được nhóm vào các khối và các giao dịch trong cùng một khối (block) được coi là đã xảy ra cùng thời điểm. Các giao dịch chưa được thực hiện trong một khối được coi là chưa được xác nhận. Blockchain bao gồm các khối dữ liệu riêng lẻ, mỗi khối chứa một bản ghi thông tin, được liên kết với nhau theo thứ tự thời gian, tạo thành các chuỗi. Sự nhất quán theo trình tự thời gian làm cho các dữ liệu đã lưu trữ theo chuỗi không thể xóa hoặc sửa đổi nếu không có sự đồng thuận từ người dùng, giao dịch và nút toán tử. Những liên kết này không thể thay đổi, đó là điều tạo nên sự minh bạch và tin tưởng cho mạng lưới thông tin dựa trên công nghệ blockchain.

Công nghệ chuỗi khối được dự báo sẽ được ứng dụng rộng rãi trong năm 2024,

được coi là một trong những công nghệ đột phá, có khả năng làm thay đổi cách thức cung ứng và mang lại sự minh bạch và tin cậy cho các ngành công nghiệp khác nhau đặc biệt là trong lĩnh vực tài chính. Xu hướng ứng dụng của blockchain ngày càng thể hiện rõ trên toàn cầu, đặt ra yêu cầu đối với các quốc gia cần phải có các giải pháp chiến lược phù hợp để tận dụng cơ hội phát triển, đồng thời kiểm soát các rủi ro liên quan để đảm bảo an toàn hệ thống.

2.9. Công nghệ 5G tiếp tục phát triển mạnh mẽ

5G là thế hệ di động mới nhất đang được nhiều quốc gia trên thế giới triển khai thương mại. Theo số liệu công bố tháng 10/2023 của Hiệp hội các nhà cung cấp di động toàn cầu (GSA) cho thấy, sau hơn 4 năm kể từ khi Hàn Quốc triển khai mạng 5G thương mại đầu tiên trên thế giới vào tháng 4 năm 2019, đến nay trên toàn cầu đã có 292 mạng 5G thương mại và 578 nhà khai thác di động đang đầu tư vào mạng 5G. So với các thế hệ mạng 4G, 3G và 2G thì 5G cung cấp cho người dùng các trải nghiệm hoàn toàn mới như trải nghiệm chơi trò chơi thực tế ảo, tập thể thao cùng huấn luyện viên ảo, tham quan bảo tàng nghệ thuật ảo... Với tốc độ tối đa lý tưởng nhanh hơn gấp 100 lần 4G, mạng 5G được kỳ vọng sẽ mang đến cho người dùng trải nghiệm học tập, mua sắm và làm việc trực tuyến nhanh nhất.

Đến năm 2024, mạng 5G sẽ trở nên phổ biến ở nhiều quốc gia trên thế giới, trở thành một tiêu chuẩn thông tin di động mới, cung cấp cho người dùng tốc độ dữ liệu cực nhanh và độ trễ cực thấp. Điều này mở ra tương lai rộng lớn cho các ứng dụng IoT, nơi hàng tỷ thiết bị sẽ giao tiếp với nhau tốc độ cao, thúc đẩy sự phát triển nở rộ của nhà thông minh, xe tự lái. Nhưng xu hướng này không dừng lại ở đó, các nghiên cứu về công nghệ di động thế hệ tiếp theo (6G) sẽ được thúc đẩy một cách mạnh mẽ bởi các công ty công nghệ hàng đầu trên thế giới, tạo tiền đề cho việc phát triển và thương mại hóa thế hệ di động tiên tiến sau 5G.

2.10. Công nghệ bền vững

Một trong những xu hướng quan trọng khác của công nghệ trong năm 2024 đó là phát triển theo hướng bền vững, bao gồm công nghệ sạch, công nghệ xanh và công nghệ khí hậu. Báo cáo của Harvard Business Review chỉ ra rằng, việc cứu Trái đất khỏi thảm họa sinh thái chính là cơ hội trị giá tới 12 nghìn tỷ USD. Chỉ riêng việc đáp ứng được nhu cầu phát triển bền vững trong các lĩnh vực như thực phẩm và nông nghiệp, thành phố, năng lượng và vật liệu, sức khỏe và hạnh phúc... đã đem tới những thay đổi to lớn. Các nhà khoa học kỳ vọng tái chế, xe điện, xây dựng, năng lượng xanh, công nghệ thu hồi carbon... sẽ là những lĩnh vực chiến lược, đạt được bước tiến nhảy vọt về công nghệ trong năm 2024, để góp phần hiệu quả vào mục tiêu phát triển bền vững của nhân loại.

Công nghệ bền vững không chỉ là một xu hướng, mà còn là một triển vọng quan trọng để định hình tương lai của doanh nghiệp và xã hội. Các giải pháp số hóa được

áp dụng trong lĩnh vực này không chỉ nhằm tăng cường hiệu suất kinh doanh mà còn hướng tới việc thúc đẩy các mục tiêu về môi trường, xã hội và quản trị (ESG). Công nghệ bền vững tập trung vào việc xây dựng cơ sở hạ tầng số và hoạt động mà không ảnh hưởng đến cân bằng hệ sinh thái lâu dài và quyền con người. Theo dự đoán của Gartner, đến năm 2027, 25% các giám đốc công nghệ thông tin sẽ nhận được khoản bồi thường cá nhân dựa trên tác động của họ đối với công nghệ bền vững. Điều này là một động lực mạnh mẽ để các doanh nghiệp chú ý và đầu tư vào các giải pháp công nghệ nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực đối với môi trường và xã hội. Theo Gartner, 80% các giám đốc công nghệ thông tin đã và đang đóng vai trò hỗ trợ chiến lược bền vững cho doanh nghiệp của họ. Các doanh nghiệp hiện đại không chỉ cần chú ý đến việc tối ưu hóa hiệu suất kinh doanh, mà còn phải định hình chiến lược công nghệ của mình theo hướng bền vững. Sự đổi mới và hiệu quả trong lĩnh vực công nghệ không chỉ tạo ra lợi nhuận mà còn là động lực quan trọng để chung tay bảo vệ và phát triển tài nguyên môi trường cho thế hệ tương lai.

KẾT LUẬN

Năm 2023, kinh tế thế giới tiếp tục đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, hầu hết các nền kinh tế trên thế giới đều có mức tăng trưởng thấp hơn kỳ vọng do tổng cầu suy giảm; lạm phát đã hạ nhiệt nhưng vẫn ở mức cao; chính sách tiền tệ thắt chặt, nợ công thế giới đã tăng lên mức kỷ lục, xung đột quân sự giữa Nga và Ucraina phức tạp hơn, bất ổn địa chính trị, an ninh lương thực, thiên tai, biến đổi khí hậu... ngày càng gia tăng.

Triển vọng kinh tế toàn cầu trong năm 2024 vẫn còn nhiều khó khăn và thử thách nghiêm trọng. Theo dự báo của hầu hết các tổ chức quốc tế, tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2024 sẽ giảm tốc so với năm 2023 và có thể thấp hơn nữa trong năm 2025. Lạm phát toàn cầu năm 2024 sẽ giảm dần nhưng lạm phát cơ bản ở nhiều nước có thể vẫn ở mức cao hơn trước đại dịch.

Từ bối cảnh thế giới vẫn chịu nhiều biến động, năm 2024 sẽ có 5 rủi ro, thách thức lớn với kinh tế thế giới, trong đó có Việt Nam: Thứ nhất, xung đột địa chính trị còn vô cùng phức tạp và gia tăng cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn. Thứ hai, rủi ro về tài chính, tiền tệ, sự đổ vỡ của một số ngân hàng tại Hoa Kỳ, Thụy Sĩ; nợ gồm cả nợ công, nợ tư thế giới đều cao, rủi ro nợ xấu và vỡ nợ gia tăng. Thứ ba, an ninh lương thực, an ninh năng lượng vẫn luôn là một vấn đề rất lớn đối với thế giới. Thứ tư, giá cả, lạm phát, lãi suất toàn cầu giảm nhưng còn ở mức cao, rủi ro tài chính, tiền tệ tăng khiến tiến trình phục hồi kinh tế toàn cầu chậm hơn. Thứ 5, các nền kinh tế hàng đầu thế giới, Hoa Kỳ, Trung Quốc và Nhật Bản tiếp tục tăng trưởng chậm lại, điều này tác động tiêu cực đến xuất khẩu, đầu tư, tiêu dùng, du lịch quốc tế và thị

trường tài chính.

Trong bối cảnh đó, các tổ chức quốc tế để có những khuyến nghị chính sách, trong đó tập trung vào: Cải thiện tình hình nợ quốc tế, đặc biệt là ở các nước nghèo, là một trong những ưu tiên quan trọng. Việc giảm nợ có thể giúp giải phóng nguồn lực cho đầu tư, thúc đẩy tăng trưởng về cả nhân lực và vật chất. Hợp tác quốc tế được đề xuất như một cách để đối phó với thách thức của biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh chuyển đổi năng lượng sạch và khuyến khích đầu tư vào tăng trưởng carbon thấp và bền vững có thể đóng vai trò quan trọng trong việc tạo điều kiện cho sự phát triển toàn cầu. Chú ý đến sự phân mảnh trong mạng lưới thương mại và đầu tư, ưu tiên hệ thống thương mại quốc tế dựa trên luật lệ và mở rộng các hiệp định thương mại có thể giảm thiểu rủi ro từ sự phân mảnh này. Cần cẩn thận trong việc quản lý rủi ro để bảo đảm chính sách tiền tệ hỗ trợ tăng trưởng bền vững. Thực hiện cải cách cơ cấu và tăng cường năng suất, tự do hóa thương mại và tài chính, phát triển nguồn nhân lực và cơ sở hạ tầng, và thúc đẩy đổi mới sáng tạo có thể đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra gói chính sách toàn diện để hỗ trợ tăng trưởng bền vững và đối mặt với thách thức toàn cầu.

Tiến bộ công nghệ và phát triển kinh tế là hai yếu tố tương tác và hỗ trợ lẫn nhau, đóng góp vào sự chuyển đổi và phát triển bền vững của nền kinh tế toàn cầu. Công nghệ đóng vai trò quan trọng trong quá trình phát triển kinh tế, mang lại những đổi mới và cơ hội cho các ngành công nghiệp, từ việc phát triển sản phẩm mới đến tạo ra các mô hình kinh doanh sáng tạo. Các xu hướng công nghệ nổi bật năm 2024 như AI tạo sinh; các công nghệ phục vụ quản lý và sản xuất của doanh nghiệp nghiệp; công nghệ bền vững; công nghệ 5G, thực tế ảo và thực tế tăng cường (VR/AR), điện toán lượng tử, Internet vạn vật (IoT), ... đều có tiềm năng biến đổi cách chúng ta sản xuất và tiêu thụ hàng hóa và dịch vụ. Tiến bộ trong các lĩnh vực công nghệ này không chỉ là yếu tố chủ chốt giúp tạo ra một môi trường kinh doanh năng động và sáng tạo, mà còn góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững.

Biên soạn: P.A.T. (Trung tâm Thông tin và Thống kê KH&CN)

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. Asian Development Outlook Supplement, ADB, 12/2023.
2. Gartner Top 10 Strategic Technology Trends for 2024. <https://www.gartner.com>, 17/10/2023.
3. Global Economic Prospects 2024, World Bank, 1/2024.
4. OECD Economic Outlook, 11/2023.
5. The Top 10 Tech Trends In 2023 Everyone Must Be Ready For, 21/11/2022, <https://www.forbes.com>.
6. Top 10: Technology trends for 2024, <https://technologymagazine.com/>, 20/12/2023.
7. Top 10 Technology Trends That Will Shape 2024 and Beyond, <https://www.linkedin.com/>, 31/10/2023.
8. The Top 5 Tech Trends In 2024 Everyone Must Be Ready For, <https://www.forbes.com/>, 11/2023.
9. World Economic Outlook, 10/2023, IMF.